



LUẬT KHOÁNG SẢN

(ĐÃ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2005)



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

LUẬT KHOÁNG SẢN

(ĐÃ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2005)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
Hà Nội - 2006

CHÚ DẪN CỦA NHÀ XUẤT BẢN

Nhằm tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, bảo vệ và sử dụng có hiệu quả mọi tài nguyên khoáng sản của đất nước, năm 1996 Quốc hội khoá IX, kỳ họp thứ 9 đã thông qua Luật khoáng sản. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01-9-1996.

Gần 10 năm áp dụng luật, cho đến nay một số điều của Luật khoáng sản không còn phù hợp với thực tiễn đời sống kinh tế - xã hội của đất nước. Do đó, ngày 14-6-2005 Quốc hội khoá XI, kỳ họp thứ 7 đã thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật khoáng sản, phần sửa đổi có hiệu lực thi hành từ ngày 01-10-2005.

Đáp ứng nhu cầu tìm hiểu và thực thi các quy định của Luật khoáng sản, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản cuốn sách: *Luật khoáng sản (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2005)*. Trong nội dung sách, để tạo điều kiện cho bạn đọc có được thông tin về quá trình phát triển của Luật khoáng sản từ khi được ban hành cho đến khi được sửa đổi, bổ sung, chúng tôi in các văn bản sau: Luật khoáng sản năm 1996; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật

khoáng sản năm 2005 và toàn văn Luật khoáng sản đã được sửa đổi, bổ sung.

Xin giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 8 năm 2005

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

1. LUẬT KHOÁNG SẢN

Năm 1996

Khoáng sản là tài nguyên hầu hết không tái tạo được, là tài sản quan trọng của quốc gia, phải được quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và có hiệu quả nhằm đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, phát triển bền vững kinh tế - xã hội trước mắt và lâu dài, bảo đảm quốc phòng, an ninh;

Để tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, bảo vệ, sử dụng có hiệu quả mọi tài nguyên khoáng sản của đất nước; khuyến khích phát triển công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản; bảo vệ môi trường, môi sinh và an toàn lao động trong hoạt động khoáng sản;

Căn cứ vào các điều 17, 29 và 84 của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Luật này quy định về quản lý, bảo vệ, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản và hoạt động khoáng sản.

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Sở hữu tài nguyên khoáng sản

Tài nguyên khoáng sản trong phạm vi đất liền, hải đảo, nội thủy, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đều thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước thống nhất quản lý.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi áp dụng

Luật này được áp dụng đối với việc quản lý, bảo vệ, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản và hoạt động khoáng sản, bao gồm khảo sát, thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản ở thể rắn, thể khí, nước khoáng và nước nóng thiên nhiên; riêng dầu khí và các loại nước thiên nhiên khác được điều chỉnh bằng các văn bản pháp luật khác.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Khoáng sản* là tài nguyên trong lòng đất, trên mặt đất dưới dạng những tích tụ tự nhiên khoáng vật, khoáng chất có ích ở thể rắn, thể lỏng, thể khí, hiện tại hoặc sau này có thể được khai thác. Khoáng vật,

khoáng chất ở bãi thải của mỏ mà sau này có thể được khai thác lại, cũng là khoáng sản.

2. *Nước khoáng* là nước thiên nhiên dưới đất, có nơi lộ ra trên mặt đất, có chứa một số hợp chất có hoạt tính sinh học với nồng độ cao theo quy định của Tiêu chuẩn Việt Nam hoặc theo tiêu chuẩn nước ngoài được Nhà nước Việt Nam cho phép áp dụng.

3. *Nước nóng thiên nhiên* là nước thiên nhiên dưới đất, có nơi lộ ra trên mặt đất, luôn luôn có nhiệt độ theo quy định của Tiêu chuẩn Việt Nam hoặc theo tiêu chuẩn nước ngoài được Nhà nước Việt Nam cho phép áp dụng.

4. *Điều tra cơ bản địa chất* là hoạt động nghiên cứu, điều tra về cấu trúc, thành phần vật chất, lịch sử phát sinh, phát triển vỏ Trái đất và các điều kiện, quy luật sinh khoáng liên quan.

5. *Điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản* là việc đánh giá tổng quan tiềm năng tài nguyên khoáng sản trên cơ sở điều tra cơ bản địa chất, làm căn cứ khoa học cho việc định hướng các hoạt động khảo sát, thăm dò khoáng sản.

6. *Khảo sát khoáng sản* là hoạt động nghiên cứu tư liệu địa chất về tài nguyên khoáng sản, khảo sát thực địa nhằm khoanh định khu vực có triển vọng để thăm dò khoáng sản.

7. *Thăm dò khoáng sản* là hoạt động nhằm tìm

kiểm, phát hiện, xác định trữ lượng, chất lượng khoáng sản, điều kiện kỹ thuật khai thác, kể cả việc lấy, thử nghiệm mẫu công nghệ và nghiên cứu khả thi về khai thác khoáng sản.

8. *Khai thác khoáng sản* là hoạt động xây dựng cơ bản mỏ, khai đào, sản xuất và các hoạt động có liên quan trực tiếp nhằm thu khoáng sản.

9. *Chế biến khoáng sản* là hoạt động phân loại, làm giàu khoáng sản, hoạt động khác nhằm làm tăng giá trị khoáng sản đã khai thác.

Điều 4. Quản lý, bảo vệ và sử dụng tài nguyên khoáng sản

Nhà nước có chính sách quản lý, bảo vệ, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và có hiệu quả tài nguyên khoáng sản, đồng thời bảo vệ môi trường, tài nguyên khác có liên quan, bảo đảm quốc phòng, an ninh, an toàn lao động và vệ sinh lao động trong hoạt động khoáng sản.

Chính phủ thống nhất quản lý mọi tài nguyên khoáng sản và hoạt động khoáng sản trong phạm vi cả nước, có trách nhiệm tổ chức thi hành pháp luật về khoáng sản.

Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện các biện pháp quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản; giám sát, kiểm tra việc thi hành pháp luật về khoáng sản tại địa phương.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện nghĩa vụ bảo vệ tài nguyên khoáng sản, giám sát việc thi hành pháp luật về khoáng sản.

Cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi công dân có trách nhiệm thi hành pháp luật về khoáng sản, có quyền và trách nhiệm phát hiện, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về khoáng sản.

Điều 5. Khuyến khích đầu tư hoạt động khoáng sản, phát triển công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản

1. Nhà nước khuyến khích đầu tư phát triển công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản; có chính sách ưu đãi hoạt động khoáng sản tại các vùng xa, vùng sâu, vùng cao, nơi có cơ sở hạ tầng kém phát triển và đối với những khoáng sản có nhu cầu sử dụng trong nước; ưu tiên các dự án có áp dụng kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trong khai thác, chế biến, làm ra sản phẩm có giá trị và hiệu quả kinh tế - xã hội cao.

2. Nhà nước tạo điều kiện cho doanh nghiệp nhà nước giữ vai trò chủ đạo trong việc khai thác, chế biến các khoáng sản quan trọng.

3. Nhà nước bảo hộ quyền sở hữu đối với vốn, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của tổ chức, cá

nhân trong hoạt động khoáng sản theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật.

1. Chính phủ quy định danh mục các loại khoáng sản cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu trong từng thời kỳ; hạn chế việc xuất khẩu khoáng sản dưới dạng nguyên liệu thô.

Điều 6. Tổ chức, cá nhân được hoạt động khoáng sản

Tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật được phép hoạt động khoáng sản.

Chính phủ quy định các điều kiện về tài chính, công nghệ và các điều kiện khác của tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản.

Điều 7. Quyền lợi của nhân dân địa phương nơi có khoáng sản được khai thác, chế biến

Quyền lợi của nhân dân địa phương nơi có khoáng sản được khai thác, chế biến được bảo hộ bằng các chính sách chủ yếu sau đây:

1. Căn cứ vào nguồn thu từ hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản, Nhà nước hàng năm dành một khoản từ ngân sách để phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương nơi có khoáng sản được khai thác, chế biến; tạo điều kiện ổn định sản xuất và đời sống cho bộ phận nhân dân nơi có khoáng sản được khai thác, chế biến

phải thay đổi nơi cư trú, nơi sản xuất;

2. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác, chế biến khoáng sản có trách nhiệm kết hợp yêu cầu của hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản với việc xây dựng cơ sở hạ tầng, bảo vệ, phục hồi môi trường, môi sinh và đất đai tại địa phương theo báo cáo nghiên cứu khả thi đã được chấp thuận; ưu tiên thu hút lao động tại địa phương vào hoạt động khoáng sản và các dịch vụ liên quan.

Điều 8. Nghiêm cấm vi phạm pháp luật về khoáng sản

Nghiêm cấm làm lộ bí mật nhà nước về tài nguyên khoáng sản và hoạt động khoáng sản trái pháp luật.

Chương II

**BẢO VỆ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN, ĐIỀU TRA
CƠ BẢN ĐỊA CHẤT VỀ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN**

Điều 9. Bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác

1. Chính phủ có chính sách, biện pháp để bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác.

Cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản có trách nhiệm xác định khu vực có tài nguyên khoáng sản chưa

khai thác; phối hợp với các Bộ, ngành và chính quyền địa phương trong việc bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác.

Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện các biện pháp cần thiết để bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác ở địa phương.

Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi công dân có quyền và trách nhiệm bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác và giữ gìn bí mật nhà nước về tài nguyên khoáng sản chưa khai thác.

2. Việc quy hoạch, thiết kế xây dựng các khu dân cư tập trung, công trình công nghiệp, thủy lợi, công trình cố định khác ở những khu vực có tài nguyên khoáng sản phải được sự thoả thuận của cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản; đối với các công trình quốc phòng, an ninh, Chính phủ có quy định riêng.

3. Tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản có trách nhiệm bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác trong khu vực được hoạt động.

Điều 10. Bảo vệ tài nguyên khoáng sản trong hoạt động thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân được phép thăm dò khoáng sản phải đánh giá tổng hợp và báo cáo đầy đủ mọi loại tài

nguyên khoáng sản đã phát hiện được trong khu vực được phép thăm dò cho cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản và bảo đảm không gây tổn thất tài nguyên khoáng sản.

2. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác, chế biến khoáng sản phải thu hồi tối đa mọi loại khoáng sản đã được xác định là có hiệu quả kinh tế; thực hiện các biện pháp bảo quản khoáng sản đã khai thác nhưng chưa được sử dụng.

3. Trong hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản, nếu phát hiện khoáng sản mới, tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản phải báo cáo ngay cho cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản để xem xét, quyết định.

Điều 11. Điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản

Nhà nước đầu tư và tổ chức thực hiện có hiệu quả việc điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản trên cơ sở điều tra cơ bản địa chất và áp dụng các thành tựu khoa học, công nghệ để hoạch định chiến lược, chính sách quốc gia về tài nguyên khoáng sản, phát triển công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản.

Nhà nước khuyến khích các tổ chức, cá nhân nước ngoài hợp tác với Việt Nam trong lĩnh vực điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản.

Chính phủ quy định việc quản lý các hoạt động điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản.

Điều 12. Mẫu vật, số liệu, thông tin về tài nguyên khoáng sản

1. Toàn bộ mẫu vật, số liệu, thông tin về tài nguyên khoáng sản đều phải được lưu trữ, quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật.

2. Nhà nước độc quyền thu mua các mẫu vật có giá trị khoa học đặc biệt hoặc quý hiếm; nghiêm cấm hành vi cất giấu, phá hủy, làm giảm chất lượng hoặc mua bán trái phép các mẫu vật đó. Chính phủ quy định danh mục và quy cách các mẫu vật mà Nhà nước độc quyền thu mua.

3. Sau thời hạn do Chính phủ quy định kể từ ngày giấy phép hoạt động khoáng sản hết hạn, cơ quan nhà nước có thẩm quyền được cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác những thông tin về tài nguyên khoáng sản có liên quan đến giấy phép đó.

Chương III

KHU VỰC HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN

Điều 13. Khu vực hoạt động khoáng sản

1. Các khu vực hoạt động khoáng sản gồm có:

a) Khu vực hạn chế là khu vực hoạt động khoáng sản chỉ được tiến hành theo các điều kiện hạn chế do Chính phủ quy định;

b) Khu vực đấu thầu là khu vực hoạt động khoáng sản chỉ được tiến hành theo kết quả đấu thầu;

c) Khu vực thông thường là khu vực hoạt động khoáng sản không theo các quy định tại các điểm a và b khoản này.

2. Chính phủ quy định và công bố khu vực hạn chế, khu vực đấu thầu.

Điều 14. Khu vực cấm hoặc tạm thời cấm hoạt động khoáng sản

1. Không được hoạt động khoáng sản tại các khu vực cấm hoặc tạm thời cấm hoạt động khoáng sản vì lý do quốc phòng, an ninh, bảo vệ di tích lịch sử, văn hoá, cảnh quan hoặc vì lợi ích công cộng khác.

Chính phủ quy định và công bố khu vực cấm hoặc tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

2. Trong trường hợp hoạt động khoáng sản đang được phép tiến hành ở khu vực mà khu vực đó bị công bố là khu vực cấm hoặc tạm thời cấm hoạt động khoáng sản thì Chính phủ giải quyết thoả đáng những thiệt hại cho tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản do việc cấm hoặc tạm thời cấm gây ra.

Điều 15. Khu vực có khoáng sản độc hại

Cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản có trách

nhệm khoan định khu vực có khoáng sản độc hại, thông báo cho chính quyền địa phương, các cơ quan lao động, y tế có thẩm quyền để có biện pháp bảo vệ sức khoẻ của nhân dân và hạn chế tác hại đối với môi trường, môi sinh ở địa phương.

Điều 16. Bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản phải sử dụng công nghệ, thiết bị, vật liệu và thực hiện các quy định khác của Luật bảo vệ môi trường để hạn chế tối đa tác động xấu đến các thành phần môi trường; thực hiện việc phục hồi môi trường, môi sinh và đất đai sau khi kết thúc từng giai đoạn hoặc toàn bộ hoạt động khoáng sản.

2. Tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản phải chịu mọi chi phí bảo vệ, phục hồi môi trường, môi sinh và đất đai. Chi phí bảo vệ, phục hồi môi trường, môi sinh và đất đai phải được xác định trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, báo cáo nghiên cứu khả thi về khai thác, chế biến khoáng sản hoặc đề án thăm dò khoáng sản. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản phải ký quỹ tại một Ngân hàng Việt Nam hoặc Ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam để bảo đảm cho việc phục hồi môi trường, môi sinh và đất đai.

Điều 17. Sử dụng đất trong hoạt động khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác, chế biến khoáng sản được ký hợp đồng thuê đất để hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về đất đai và phù hợp với Luật này.

Khi giấy phép khai thác, chế biến khoáng sản chấm dứt hiệu lực thì hợp đồng thuê đất cũng chấm dứt; khi từng phần diện tích khai thác được trả lại thì hợp đồng thuê đất cũng được thay đổi tương ứng.

Khi có sự thay đổi tổ chức, cá nhân được phép khai thác, chế biến khoáng sản thì hợp đồng thuê đất được ký lại.

2. Tổ chức, cá nhân được phép khảo sát, thăm dò khoáng sản không phải thuê đất đối với khu vực được phép khảo sát, thăm dò, nếu hoạt động khảo sát, thăm dò không ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất hợp pháp, nhưng phải bồi thường thiệt hại do hoạt động khảo sát, thăm dò gây ra. Nếu hoạt động khảo sát, thăm dò có sử dụng đất thường xuyên thì tổ chức, cá nhân được phép khảo sát, thăm dò phải thuê đất đối với diện tích đó theo quy định của Chính phủ. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản trong lòng đất không phải thuê đất đối với những

diện tích không sử dụng đất mặt; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường.

3. Tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản phải bồi thường thiệt hại do việc sử dụng đất để hoạt động khoáng sản gây ra.

Điều 18. Sử dụng nước trong hoạt động khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản được sử dụng các nguồn nước thiên nhiên để tiến hành hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về nước và phù hợp với Luật này.

2. Nguồn nước, khối lượng nước và phương thức sử dụng nước trong hoạt động khoáng sản phải được xác định trong đề án thăm dò, báo cáo nghiên cứu khả thi về khai thác, chế biến khoáng sản và thiết kế mỏ; nước đã qua sử dụng thì tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản phải xử lý theo tiêu chuẩn vệ sinh trước khi thải; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường.

Điều 19. Sử dụng cơ sở hạ tầng trong hoạt động khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản được sử dụng hệ thống giao thông, thông tin liên lạc, điện, nước và các cơ sở hạ tầng khác để phục vụ

hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản có trách nhiệm đầu tư cải tạo, nâng cấp, tu bổ, xây dựng mới các cơ sở hạ tầng phù hợp với đề án thăm dò hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi về khai thác, chế biến khoáng sản đã được chấp thuận.

Điều 20. Bảo hiểm trong hoạt động khoáng sản

Tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản phải mua bảo hiểm đối với các phương tiện, công trình phục vụ hoạt động khoáng sản, bảo hiểm môi trường, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm lao động và các bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật.

Chương IV

KHẢO SÁT KHOÁNG SẢN

Điều 21. Giấy phép khảo sát khoáng sản

1. Giấy phép khảo sát khoáng sản được cấp đối với khu vực không có tổ chức, cá nhân nào đang thăm dò hoặc khai thác khoáng sản hợp pháp, phù hợp với quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 5 và các Điều 13 và 14 của Luật này.

2. Thời hạn của một giấy phép khảo sát khoáng

sản không quá mười hai tháng và được gia hạn theo quy định của Chính phủ, nhưng tổng thời gian gia hạn không quá mười hai tháng.

3. Giấy phép khảo sát khoáng sản không được chuyển cho tổ chức, cá nhân khác sử dụng.

Điều 22. Quyền của tổ chức, cá nhân được phép khảo sát khoáng sản

Tổ chức, cá nhân được phép khảo sát khoáng sản có các quyền sau đây:

1. Sử dụng số liệu, thông tin về tài nguyên khoáng sản của Nhà nước liên quan đến mục đích khảo sát và khu vực được phép khảo sát theo quy định của pháp luật;

2. Tiến hành khảo sát theo quy định của giấy phép;

3. Chuyển ra ngoài khu vực khảo sát, kể cả chuyển ra nước ngoài các loại mẫu vật với số lượng và chủng loại phù hợp với tính chất và yêu cầu của hoạt động khảo sát để phân tích, thử nghiệm theo quy định của Chính phủ;

4. Xin gia hạn, trả lại giấy phép khảo sát khoáng sản;

5. Khiếu nại hoặc khởi kiện về quyết định thu hồi giấy phép khảo sát khoáng sản hoặc quyết định xử lý khác của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật;

6. Được hưởng các quyền khác có liên quan theo quy định của Luật này.

Điều 23. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được phép khảo sát khoáng sản

Tổ chức, cá nhân được phép khảo sát khoáng sản có các nghĩa vụ sau đây:

1. Nộp lệ phí giấy phép và tiền sử dụng số liệu, thông tin về tài nguyên khoáng sản của Nhà nước theo quy định của pháp luật;

2. Bảo vệ môi trường, bảo đảm an toàn lao động và vệ sinh lao động trong hoạt động khảo sát khoáng sản;

3. Bồi thường thiệt hại do hoạt động khảo sát khoáng sản gây ra;

4. Trước ngày giấy phép khảo sát khoáng sản hết hạn, phải nộp báo cáo kết quả khảo sát cho cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản;

5. Thực hiện các quy định về quản lý hành chính, trật tự và an toàn xã hội;

6. Thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan theo quy định của Luật này.

Điều 24. Thu hồi giấy phép khảo sát khoáng sản

Giấy phép khảo sát khoáng sản bị thu hồi khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

1. Tổ chức, cá nhân được phép khảo sát khoáng

sản vi phạm một trong các quy định tại Điều 23 của Luật này mà không khắc phục trong thời hạn do Chính phủ quy định kể từ ngày cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản đã có văn bản thông báo;

2. Khu vực được phép khảo sát bị công bố là khu vực cấm hoặc tạm thời cấm hoạt động khoáng sản theo quy định tại khoản 2 Điều 14 của Luật này;

3. Cá nhân được phép khảo sát khoáng sản chết, tổ chức được phép khảo sát khoáng sản bị giải thể hoặc phá sản.

Chương V

THẨM DÒ KHOÁNG SẢN

Điều 25. Giấy phép thăm dò khoáng sản

1. Giấy phép thăm dò khoáng sản được cấp đối với khu vực không có tổ chức, cá nhân nào đang thăm dò hoặc khai thác khoáng sản hợp pháp, phù hợp với quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 5 và các điều 13 và 14 của Luật này.

2. Diện tích khu vực thăm dò được cấp của một giấy phép do Chính phủ quy định.

3. Thời hạn của một giấy phép thăm dò khoáng sản không quá hai mươi bốn tháng và được gia hạn

theo quy định của Chính phủ, nhưng tổng thời gian gia hạn không quá hai mươi bốn tháng. Trong trường hợp cần thiết, giấy phép thăm dò khoáng sản có thể được cấp lại cho tổ chức, cá nhân đã thăm dò ở khu vực mà giấy phép đã hết hạn.

4. Chính phủ quy định việc cấp giấy phép thăm dò khoáng sản cho tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư vào Việt Nam.

Điều 26. Quyền của tổ chức, cá nhân được phép thăm dò khoáng sản

Tổ chức, cá nhân được phép thăm dò khoáng sản có các quyền sau đây:

1. Sử dụng số liệu, thông tin về tài nguyên khoáng sản của Nhà nước liên quan đến mục đích thăm dò và khu vực được phép thăm dò theo quy định của pháp luật;

2. Tiến hành thăm dò theo quy định của giấy phép;

3. Chuyển ra ngoài khu vực thăm dò, kể cả chuyển ra nước ngoài các loại mẫu vật với khối lượng và chủng loại phù hợp với tính chất và yêu cầu của hoạt động thăm dò khoáng sản để phân tích, thử nghiệm theo quy định của Chính phủ;

4. Đặc quyền xin giấy phép khai thác khoáng sản trong phạm vi khu vực đã thăm dò theo quy định tại khoản 1 Điều 31 của Luật này;

5. Xin gia hạn, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại từng phần diện tích thăm dò theo quy định của Chính phủ;

6. Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản cho tổ chức, cá nhân khác theo quy định của Chính phủ;

7. Để thừa kế quyền thăm dò theo quy định của pháp luật nếu là cá nhân được phép thăm dò;

8. Khiếu nại hoặc khởi kiện về quyết định thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc quyết định xử lý khác của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật;

9. Được hưởng các quyền khác có liên quan theo quy định của Luật này.

Điều 27. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được phép thăm dò khoáng sản

Tổ chức, cá nhân được phép thăm dò khoáng sản có các nghĩa vụ sau đây:

1. Nộp lệ phí giấy phép, lệ phí độc quyền thăm dò, tiền sử dụng số liệu, thông tin về tài nguyên khoáng sản của Nhà nước và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

2. Nộp tiền đặt cọc theo quy định của pháp luật;

3. Thực hiện đề án thăm dò khoáng sản đã được chấp thuận;

4. Bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi

trường, bảo đảm an toàn lao động và vệ sinh lao động trong hoạt động thăm dò;

5. Bồi thường thiệt hại do hoạt động thăm dò gây ra;

6. Thông báo kế hoạch thăm dò cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi được phép thăm dò khoáng sản trước khi thực hiện;

7. Thu thập, lưu giữ số liệu, thông tin về tài nguyên khoáng sản và báo cáo kết quả thăm dò cho cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản; báo cáo các hoạt động khác cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

8. Nộp báo cáo cuối cùng về kết quả thăm dò cho cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản trước ngày giấy phép thăm dò hết hạn;

9. Thực hiện các công việc khi giấy phép thăm dò khoáng sản chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 30 của Luật này;

10. Thực hiện các quy định về quản lý hành chính, trật tự và an toàn xã hội;

11. Thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan theo quy định của Luật này.

Điều 28. Để án thăm dò khoáng sản

Trong để án thăm dò khoáng sản phải xác định tiến độ, khối lượng công việc, công nghệ, biện pháp bảo

đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường và dự toán chi phí thăm dò. Đề án thăm dò phải được cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản thẩm định để xem xét khi cấp giấy phép thăm dò.

Dự toán chi phí của đề án thăm dò khoáng sản không được thấp hơn mức chi phí tối thiểu do Chính phủ quy định. Trong trường hợp chi phí thực tế thấp hơn mức chi phí tối thiểu, thì tổ chức, cá nhân được phép thăm dò khoáng sản phải nộp phần chênh lệch đó vào ngân sách nhà nước.

Khi cần thay đổi tiến độ, dự toán chi phí, tổ chức, cá nhân được phép thăm dò khoáng sản phải kịp thời báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản để xem xét, quyết định.

Điều 29. Thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản

Giấy phép thăm dò khoáng sản bị thu hồi khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

1. Sau sáu tháng kể từ ngày giấy phép có hiệu lực, tổ chức, cá nhân được phép thăm dò khoáng sản không tiến hành hoạt động thăm dò mà không có lý do chính đáng;

2. Tổ chức, cá nhân được phép thăm dò khoáng sản vi phạm một trong các quy định tại Điều 27 của Luật này mà không khắc phục trong thời hạn do Chính phủ quy định kể từ ngày cơ quan quản lý nhà nước về

khoáng sản có văn bản thông báo:

3. Khu vực được phép thăm dò khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoặc tạm thời cấm hoạt động khoáng sản theo quy định tại khoản 2 Điều 14 của Luật này;

4. Cá nhân được phép thăm dò khoáng sản chết mà không có người thừa kế quyền thăm dò, tổ chức được phép thăm dò khoáng sản bị giải thể hoặc phá sản mà không có tổ chức, cá nhân kế thừa quyền và nghĩa vụ.

Điều 30. Chấm dứt hiệu lực giấy phép thăm dò khoáng sản

1. Giấy phép thăm dò khoáng sản chấm dứt hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Giấy phép bị thu hồi;
- b) Giấy phép hết hạn;
- c) Giấy phép được trả lại.

2. Khi giấy phép thăm dò khoáng sản chấm dứt hiệu lực thì:

a) Các quyền liên quan đến giấy phép thăm dò cũng chấm dứt;

b) Trong thời hạn do Chính phủ quy định, tổ chức, cá nhân được phép thăm dò khoáng sản phải di chuyển toàn bộ tài sản của mình và của các bên liên quan ra khỏi khu vực thăm dò; san lấp các công trình thăm dò trở lại trạng thái bảo đảm an toàn, bảo vệ tài nguyên khoáng sản, phục hồi môi trường, môi sinh và đất đai;

giao nộp các mẫu vật, số liệu, thông tin về tài nguyên khoáng sản đã thu thập được cho cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản.

Các quy định tại điểm b khoản 2 Điều này không áp dụng đối với khu vực mà tổ chức, cá nhân được phép thăm dò khoáng sản đã nộp đơn xin gia hạn giấy phép hoặc xin cấp giấy phép khai thác đúng quy định và đang được xem xét.

Chương VI

KHAI THÁC, CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN

Mục 1

KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Điều 31. Giấy phép khai thác khoáng sản

1. Giấy phép khai thác khoáng sản được cấp cho tổ chức, cá nhân được phép thăm dò khoáng sản đối với khu vực đã thăm dò, với điều kiện tổ chức, cá nhân đó đã hoàn thành mọi nghĩa vụ được quy định trong giấy phép thăm dò và tuân thủ mọi quy định của pháp luật.

Trong thời hạn sáu tháng kể từ ngày giấy phép thăm dò khoáng sản hết hạn mà tổ chức, cá nhân được phép thăm dò không nộp đơn xin giấy phép khai thác khoáng

sản đối với khu vực đã thăm dò, thì giấy phép thăm dò mới hoặc giấy phép khai thác khoáng sản có thể được cấp đối với khu vực đó cho tổ chức, cá nhân khác.

2. Đối với khu vực đã thăm dò, nhưng không có tổ chức, cá nhân nào đang thăm dò hoặc khai thác khoáng sản hợp pháp thì giấy phép khai thác được cấp cho tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện theo quy định của Luật này, phù hợp với quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 5 và các điều 13 và 14 của Luật này.

3. Thời hạn của một giấy phép khai thác khoáng sản căn cứ vào báo cáo nghiên cứu khả thi về khai thác khoáng sản đối với từng dự án, nhưng không quá ba mươi năm và được gia hạn theo quy định của Chính phủ; tổng thời gian gia hạn không quá hai mươi năm.

4. Trường hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc tổ chức liên doanh có bên nước ngoài xin cấp giấy phép khai thác khoáng sản thì giấy phép khai thác khoáng sản được cấp cùng với giấy phép đầu tư hoặc sau khi giấy phép đầu tư đã được cấp theo quy định của Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 32. Quyền của tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản

Tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản có các quyền sau đây:

1. Sử dụng số liệu, thông tin về tài nguyên khoáng sản của Nhà nước liên quan đến mục đích khai thác và khu vực

được phép khai thác theo quy định của pháp luật;

2. Tiến hành khai thác, chế biến khoáng sản theo quy định của giấy phép; thăm dò trong khu vực đã được cấp giấy phép khai thác;

3. Cất giữ, vận chuyển, tiêu thụ trong nước và xuất khẩu khoáng sản đã được khai thác theo quy định của pháp luật;

4. Xin gia hạn, trả lại giấy phép khai thác hoặc trả lại từng phần diện tích khai thác theo quy định của Chính phủ;

5. Chuyển nhượng quyền khai thác cho tổ chức, cá nhân khác theo quy định của Chính phủ;

6. Để thừa kế quyền khai thác theo quy định của pháp luật nếu là cá nhân được phép khai thác khoáng sản;

7. Khai thác khoáng sản đi kèm với khoáng sản chính với điều kiện thực hiện đầy đủ nghĩa vụ liên quan đến việc khai thác khoáng sản đi kèm đó theo quy định của Chính phủ;

8. Khiếu nại hoặc khởi kiện về quyết định thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản hoặc quyết định xử lý khác của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật;

9. Được hưởng các quyền khác có liên quan theo quy định của Luật này.

Điều 33. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản

Tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản

có các nghĩa vụ sau đây:

1. Nộp lệ phí giấy phép, tiến sử dụng số liệu, thông tin về tài nguyên khoáng sản của Nhà nước, thuế tài nguyên khoáng sản và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

2. Bảo đảm tiến độ xây dựng cơ bản mỏ và hoạt động sản xuất phù hợp với báo cáo nghiên cứu khả thi về khai thác khoáng sản và thiết kế mỏ đã được chấp thuận;

3. Tận thu khoáng sản, bảo vệ tài nguyên khoáng sản; bao đảm an toàn lao động và vệ sinh lao động; thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường phù hợp với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được chấp thuận;

4. Thu thập, lưu giữ số liệu, thông tin về tài nguyên khoáng sản và báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản; báo cáo các hoạt động khác cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

5. Đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ và ngày bắt đầu hoạt động sản xuất với cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản; thông báo kế hoạch khai thác khoáng sản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có mỏ trước khi thực hiện;

6. Thực hiện các nghĩa vụ về việc bảo đảm quyền lợi của nhân dân địa phương nơi có khoáng sản được

khai thác theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật này:

7. Bồi thường thiệt hại do hoạt động khai thác gây ra;

8. Tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động nghiên cứu khoa học được Nhà nước cho phép tiến hành trong khu vực khai thác; cho việc xây dựng các công trình giao thông, đường dẫn nước, đường tải điện, đường thông tin đi qua mỏ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trên cơ sở bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản;

9. Nộp báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động khai thác khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản trước ngày giấy phép khai thác hết hạn; thực hiện việc đóng cửa mỏ, phục hồi môi trường, môi sinh và đất đai khi giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực theo quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều 40 của Luật này;

10. Thực hiện các quy định về quản lý hành chính, trật tự và an toàn xã hội;

11. Thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan theo quy định của Luật này.

Điều 34. Thuế tài nguyên khoáng sản

1. Thuế tài nguyên khoáng sản được tính trên sản lượng khoáng sản thương phẩm thực tế khai thác được

và theo giá bán.

2. Khung thuế suất, thuế suất và chế độ thu nộp thuế tài nguyên khoáng sản do pháp luật về thuế quy định.

Điều 35. An toàn lao động và vệ sinh lao động trong hoạt động khai thác khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản và mọi người làm việc tại mỏ đều phải thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn lao động và vệ sinh lao động.

2. Nội quy lao động của mỏ phải được xây dựng và ban hành theo quy định của pháp luật về lao động. Các quy định về an toàn lao động và vệ sinh lao động phải phù hợp với các tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm về an toàn lao động và vệ sinh lao động do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

3. Khi có nguy cơ xảy ra sự cố về an toàn lao động, giám đốc điều hành mỏ phải thực hiện ngay các biện pháp cần thiết để loại trừ nguyên nhân có thể xảy ra sự cố.

4. Khi xảy ra sự cố về an toàn lao động, giám đốc điều hành mỏ phải thực hiện ngay các biện pháp khẩn cấp để loại trừ nguyên nhân gây ra sự cố; cấp cứu, sơ tán người ra khỏi vùng nguy hiểm; kịp thời báo cáo với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền; bảo vệ tài sản, bảo vệ hiện trường theo quy định của pháp luật.

Cơ quan địa phương, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi công dân có trách nhiệm hỗ trợ việc cấp cứu và khắc phục hậu quả của sự cố về an toàn lao động xảy ra trong khu vực khai thác.

5. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản phải thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất về an toàn lao động và vệ sinh lao động trong hoạt động khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Giám đốc điều hành mỏ

1. Giám đốc điều hành mỏ do tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản cử ra để trực tiếp điều hành các hoạt động khai thác khoáng sản, chịu trách nhiệm về những nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

Giám đốc điều hành mỏ phải là người có trình độ và năng lực quản lý về khai thác mỏ.

2. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản phải thông báo bằng văn bản về trình độ chuyên môn, năng lực quản lý của giám đốc điều hành mỏ cho cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản.

Cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản có quyền không chấp nhận và yêu cầu tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản thay giám đốc điều hành mỏ khi xét thấy không đủ điều kiện đảm đương công việc.

3. Không được tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản nếu không có giám đốc điều hành mỏ.

Điều 37. Báo cáo nghiên cứu khả thi về khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ

1. Báo cáo nghiên cứu khả thi về khai thác khoáng sản và thiết kế mỏ phải được thẩm định, phê duyệt theo quy định của Chính phủ.

2. Thiết kế mỏ phải phù hợp với báo cáo nghiên cứu khả thi về khai thác khoáng sản và báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản phải nộp thiết kế mỏ cho cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản trước khi thi công.

3. Trong quá trình khai thác, nếu có những thay đổi khác với báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc thiết kế mỏ thì tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản phải kịp thời báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản để xem xét, quyết định.

Điều 38. Bản đồ hiện trạng mỏ

Tại mỏ phải có bản đồ hiện trạng mỏ. Định kỳ theo quy định của Chính phủ và khi có yêu cầu tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản phải nộp bản đồ hiện trạng mỏ kèm theo báo cáo về hoạt động khai thác khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản.

Tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản phải chịu trách nhiệm về mức độ chính xác, đầy đủ của bản đồ hiện trạng mỏ.

Điều 39. Thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản

Giấy phép khai thác khoáng sản bị thu hồi khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

1. Sau mười hai tháng kể từ ngày giấy phép có hiệu lực, tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản chưa bắt đầu việc xây dựng cơ bản mỏ mà không có lý do chính đáng;

2. Sau mười hai tháng kể từ ngày dự kiến bắt đầu hoạt động sản xuất được xác định trong báo cáo nghiên cứu khả thi về khai thác khoáng sản đã được chấp thuận, tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản chưa bắt đầu hoạt động sản xuất mà không có lý do chính đáng;

3. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản vi phạm một trong các quy định tại Điều 33 của Luật này mà không khắc phục trong thời hạn do Chính phủ quy định kể từ ngày cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản đã có văn bản thông báo;

4. Khu vực được phép khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoặc tạm thời cấm hoạt động khoáng sản theo quy định tại khoản 2 Điều 14 của Luật này;

5. Cá nhân được phép khai thác khoáng sản chết mà không có người thừa kế quyền khai thác, tổ chức được phép khai thác bị giải thể hoặc phá sản mà không có tổ chức, cá nhân kế thừa quyền và nghĩa vụ;

6. Giấy phép đầu tư của tổ chức, cá nhân nước ngoài chấm dứt hiệu lực.

Điều 40. Chấm dứt hiệu lực giấy phép khai thác khoáng sản

1. Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Giấy phép bị thu hồi;
- b) Giấy phép hết hạn;
- c) Giấy phép được trả lại.

2. Khi giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực thì:

a) Các quyền liên quan đến giấy phép khai thác khoáng sản cũng chấm dứt;

b) Các công trình, thiết bị để bảo đảm an toàn mỏ và bảo vệ môi trường ở khu vực được xác định trong giấy phép khai thác khoáng sản đều thuộc sở hữu nhà nước, không được tháo dỡ, phá hủy;

c) Ngoài những tài sản nói tại điểm b khoản này, trong thời hạn do Chính phủ quy định, tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản phải di chuyển toàn bộ tài sản của mình và của các bên có liên quan ra khỏi khu vực được xác định trong giấy phép khai thác

khoáng sản: sau thời hạn nói trên, mọi tài sản còn lại đều thuộc sở hữu Nhà nước;

d) Trong thời hạn quy định tại điểm c khoản này, tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản phải thực hiện mọi nghĩa vụ có liên quan đến việc đóng cửa mỏ, phục hồi môi trường, môi sinh và đất đai theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật.

Điều 41. Khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường

Hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường cũng phải tuân theo các quy định về khai thác khoáng sản của Luật này.

Chính phủ quy định danh mục các khoáng sản được xếp vào loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và những trường hợp không phải xin giấy phép khai thác loại khoáng sản này.

Điều 42. Khai thác nước khoáng, nước nóng thiên nhiên

1. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác nước khoáng, nước nóng thiên nhiên ngoài việc tuân theo các quy định khác của Luật này còn phải thực hiện các biện pháp bảo vệ nguồn nước không bị ô nhiễm; định kỳ quan trắc động thái, kiểm tra chất lượng của nguồn nước và kịp thời khắc phục các biến động xấu; không khai thác quá lưu lượng cho phép.

2. Việc khai thác nước khoáng, nước nóng thiên nhiên để sử dụng vào mục đích điều trị bệnh, điều dưỡng và giải khát phải được cơ quan y tế có thẩm quyền chấp thuận.

Điều 43. Khai thác khoáng sản quý, hiếm, đặc biệt và độc hại

Hoạt động khai thác khoáng sản quý, hiếm, đặc biệt và độc hại phải tuân theo các quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật.

Chính phủ quy định danh mục các khoáng sản quý, hiếm, đặc biệt và độc hại.

Mục 2

CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN

Điều 44. Giấy phép chế biến khoáng sản

Tổ chức, cá nhân hoạt động chế biến khoáng sản phải xin giấy phép chế biến khoáng sản, trừ trường hợp hoạt động chế biến khoáng sản kèm theo hoạt động khai thác đã được phép.

Việc cấp, thu hồi giấy phép chế biến khoáng sản do Chính phủ quy định.

Điều 45. Quyền của tổ chức, cá nhân được phép chế biến khoáng sản

Tổ chức, cá nhân được phép chế biến khoáng sản

có các quyền sau đây:

1. Được mua khoáng sản đã khai thác hợp pháp; nhập khẩu thiết bị, công nghệ, vật liệu để phục vụ trực tiếp cho hoạt động chế biến; tiến hành chế biến khoáng sản theo quy định của giấy phép;

2. cất giữ, vận chuyển, tiêu thụ trong nước và xuất khẩu khoáng sản đã được chế biến theo quy định của pháp luật;

3. Xin gia hạn, trả lại giấy phép, chuyển nhượng quyền chế biến khoáng sản cho tổ chức, cá nhân khác theo quy định của Chính phủ;

4. Để thừa kế quyền chế biến khoáng sản theo quy định của pháp luật nếu là cá nhân được phép chế biến khoáng sản;

5. Khiếu nại, khởi kiện về quyết định thu hồi giấy phép chế biến hoặc quyết định xử lý khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

6. Được hưởng các quyền khác có liên quan theo quy định của Luật này.

Điều 46. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được phép chế biến khoáng sản

Tổ chức, cá nhân được phép chế biến khoáng sản có các nghĩa vụ sau đây:

1. Nộp lệ phí giấy phép, thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

2. Thu hồi tối đa thành phần có ích của khoáng sản;

3. Áp dụng công nghệ và thực hiện các biện pháp hạn chế tối đa ảnh hưởng xấu đến môi trường, môi sinh theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

4. Bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động;

5. Bồi thường thiệt hại do hoạt động chế biến gây ra;

6. Báo cáo hoạt động chế biến khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản; báo cáo các hoạt động khác cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

7. Thực hiện các quy định về quản lý hành chính, trật tự và an toàn xã hội;

8. Thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan theo quy định của Luật này.

Điều 47. Chế biến khoáng sản quý, hiếm, đặc biệt và độc hại

Hoạt động chế biến khoáng sản quý, hiếm, đặc biệt và độc hại phải tuân theo các quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật.

Điều 48. Khuyến khích phát triển công nghiệp chế biến khoáng sản từ khoáng sản trong nước

1. Nhà nước có chính sách khuyến khích và ưu đãi

dầu tư đối với:

a) Các dự án chế biến khoáng sản thành nguyên liệu tinh và sản phẩm; các dự án chế biến tại chỗ;

b) Các dự án khai thác và chế biến khoáng sản liên hoàn với công nghiệp sản xuất có sử dụng vật liệu từ khoáng sản để đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu;

c) Các dự án sản xuất thiết bị chế biến khoáng sản phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam và yêu cầu của công nghệ chế biến tiên tiến.

2. Chính phủ định kỳ điều tiết việc xuất, nhập khẩu khoáng sản; hạn chế nhập khẩu các vật liệu đã sản xuất được từ khoáng sản trong nước để khuyến khích phát triển công nghiệp chế biến khoáng sản trong nước.

Mục 3

KHAI THÁC TẬN THU

Điều 49. Khai thác tận thu

Khai thác tận thu là hình thức khai thác khoáng sản trong điều kiện việc đầu tư khai thác quy mô công nghiệp không có hiệu quả tại các khu vực có khoáng sản phân bố không tập trung, khu vực khai thác lại ở các mỏ đã có quyết định đóng cửa; khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không theo

quy mô công nghiệp.

Cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản khoáng định các khu vực được phép khai thác tận thu.

Điều 50. Giấy phép khai thác tận thu

Giấy phép khai thác tận thu chỉ được cấp cho tổ chức, cá nhân Việt Nam; ưu tiên cấp cho tổ chức, cá nhân thường trú tại địa phương nơi có khoáng sản; không cấp đối với khu vực đang có hoạt động thăm dò hoặc khai thác hợp pháp và khu vực cấm hoặc tạm thời cấm hoạt động khoáng sản theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này.

Thời hạn của một giấy phép khai thác tận thu không quá ba năm và được gia hạn theo quy định của Chính phủ, nhưng tổng thời gian gia hạn không quá hai năm.

Điều 51. Quyền của tổ chức, cá nhân được phép khai thác tận thu

Tổ chức, cá nhân được phép khai thác tận thu có các quyền sau đây:

1. Tiến hành khai thác theo quy định của giấy phép và các điều kiện cụ thể về khai thác tận thu do Chính phủ quy định;
2. Cất giữ, vận chuyển, chế biến, tiêu thụ khoáng sản đã được khai thác theo quy định của pháp luật;
3. Xin gia hạn, trả lại giấy phép khai thác tận thu;

4. Khiếu nại hoặc khởi kiện về quyết định thu hồi giấy phép khai thác tận thu hoặc quyết định xử lý khác của các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 52. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được phép khai thác tận thu

Tổ chức, cá nhân được phép khai thác tận thu có các nghĩa vụ sau đây:

1. Nộp lệ phí giấy phép, thuế tài nguyên khoáng sản, nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

2. Bồi thường thiệt hại do hoạt động khai thác gây ra;

3. Hạn chế tổn thất tài nguyên khoáng sản và tài nguyên khác; bảo vệ môi trường, môi sinh và các công trình cơ sở hạ tầng;

4. Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động trong hoạt động khai thác;

5. Thực hiện các quy định về quản lý hành chính, trật tự và an toàn xã hội;

6. Ghi chép, lưu giữ đầy đủ kết quả hoạt động khai thác, chế biến và tiêu thụ;

7. Tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động nghiên cứu khoa học được Nhà nước cho phép trong phạm vi khu vực khai thác.

Điều 53. Thu hồi giấy phép khai thác tận thu

1. Giấy phép khai thác tận thu bị thu hồi khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ chức, cá nhân được phép khai thác tận thu không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 52 của Luật này;

b) Có phát hiện mới về tài nguyên khoáng sản mà khu vực đang được phép khai thác không còn phù hợp với hình thức và điều kiện của khai thác tận thu;

c) Khu vực được phép khai thác tận thu bị công bố là khu vực cấm hoặc tạm thời cấm hoạt động khoáng sản theo quy định tại khoản 2 Điều 14 của Luật này.

2. Khi giấy phép khai thác tận thu bị thu hồi hoặc đã hết hạn thì tổ chức, cá nhân được phép khai thác tận thu phải di chuyển toàn bộ tài sản của mình ra khỏi khu vực khai thác, phục hồi môi trường, môi sinh và đất đai.

3. Trong trường hợp giấy phép khai thác tận thu bị thu hồi theo quy định tại các điểm b và c khoản 1 Điều này, thì tổ chức, cá nhân được phép khai thác tận thu được giải quyết thoả đáng những thiệt hại theo quy định của Chính phủ.

Chương VII

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHOÁNG SẢN

Điều 54. Nội dung quản lý nhà nước về khoáng sản

Nội dung quản lý nhà nước về khoáng sản bao gồm:

1. Hoạch định chiến lược, quy hoạch và chính sách về bảo vệ, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và có hiệu quả tài nguyên khoáng sản và phát triển công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản;

2. Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về khoáng sản;

3. Cấp, gia hạn, thu hồi giấy phép hoạt động khoáng sản; cho phép chuyển nhượng, để thừa kế quyền hoạt động khoáng sản, cho phép trả lại giấy phép hoạt động khoáng sản; đăng ký các hoạt động điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản và hoạt động khoáng sản;

4. Thẩm định, phê duyệt, đánh giá các đề án, báo cáo, thiết kế mỏ trong hoạt động khoáng sản;

5. Kiểm tra, thanh tra các hoạt động điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, hoạt động khoáng sản;

6. Thực hiện các chính sách đối với nhân dân địa phương nơi có khoáng sản được khai thác, chế biến và nơi có khoáng sản độc hại;

7. Thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên khoáng sản;

8. Tổ chức lưu trữ, bảo vệ tài liệu và bí mật nhà nước về tài nguyên khoáng sản;

9. Đào tạo cán bộ khoa học, cán bộ quản lý về khoáng sản; tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn thi hành pháp luật về khoáng sản;

10. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản và hoạt động khoáng sản;

11. Giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về hoạt động khoáng sản và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm pháp luật về khoáng sản.

Điều 55. Thẩm quyền quản lý nhà nước về khoáng sản

Theo nhiệm vụ và quyền hạn của mình, Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về khoáng sản trong phạm vi cả nước.

Bộ Công nghiệp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản. Bộ Công nghiệp, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp trong việc quản lý nhà nước về khoáng sản.

Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản giúp Chính phủ trong việc thẩm định, xét duyệt trữ lượng khoáng sản. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản do Chính phủ quy định.

Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về khoáng sản tại địa phương theo quy định của Luật này và theo phân cấp của Chính phủ.

Hệ thống tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ

quan quản lý nhà nước về khoáng sản của Bộ Công nghiệp và của Ủy ban nhân dân các cấp do Chính phủ quy định.

Điều 56. Thẩm quyền, thủ tục cấp, gia hạn, thu hồi giấy phép hoạt động khoáng sản

1. Việc phân cấp thẩm quyền cấp, gia hạn, thu hồi giấy phép hoạt động khoáng sản phải bảo đảm quyền quản lý tập trung thống nhất của Chính phủ về khoáng sản, căn cứ vào tính chất của loại khoáng sản và nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương.

2. Thẩm quyền cấp, gia hạn, thu hồi giấy phép hoạt động khoáng sản và thủ tục cấp, gia hạn, thu hồi, cho phép trả lại giấy phép hoạt động khoáng sản, cho phép chuyển nhượng, để thừa kế quyền hoạt động khoáng sản, đăng ký hoạt động khoáng sản do Chính phủ quy định.

Điều 57. Giải quyết tranh chấp về hoạt động khoáng sản

Việc giải quyết tranh chấp về hoạt động khoáng sản được quy định như sau:

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp loại giấy phép hoạt động khoáng sản nào thì có trách nhiệm giải quyết tranh chấp về quyền hoạt động khoáng sản phát sinh từ việc sử dụng loại giấy phép đó; trong trường hợp

không đồng ý với quyết định của cơ quan giải quyết tranh chấp thì có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật:

2. Tranh chấp khác phát sinh trong hoạt động khoáng sản được giải quyết theo thẩm quyền và trình tự do pháp luật quy định.

Chương VIII

THANH TRA CHUYÊN NGÀNH VỀ KHOÁNG SẢN

Điều 58. Thanh tra chuyên ngành về khoáng sản

Cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về khoáng sản. Tổ chức và hoạt động của thanh tra chuyên ngành về khoáng sản do Chính phủ quy định.

Điều 59. Nhiệm vụ của thanh tra chuyên ngành về khoáng sản

Thanh tra chuyên ngành về khoáng sản có các nhiệm vụ sau đây:

1. Kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định về:
 - a) Nội dung giấy phép hoạt động khoáng sản;
 - b) Giữ gìn bí mật nhà nước về tài nguyên khoáng sản;

c) Bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên khoáng sản;

d) Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản;

2. Phối hợp với thanh tra nhà nước về lao động và thanh tra chuyên ngành về bảo vệ môi trường để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, thanh tra về an toàn lao động, vệ sinh lao động và bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản;

3. Phối hợp với thanh tra nhà nước của các bộ, các ngành, địa phương trong hoạt động thanh tra về khoáng sản.

Điều 60. Thẩm quyền của thanh tra chuyên ngành về khoáng sản

Trong quá trình thanh tra, Đoàn thanh tra và Thanh tra viên có các quyền sau đây:

1. Yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp tài liệu và trả lời những vấn đề cần thiết;

2. Điều tra, thu thập chứng cứ, tài liệu liên quan đến nội dung, đối tượng thanh tra và tiến hành những biện pháp kiểm tra kỹ thuật tại hiện trường;

3. Quyết định đình chỉ hoạt động khoáng sản không có giấy phép; tạm đình chỉ trong trường hợp khẩn cấp các hoạt động có nguy cơ gây ra tai nạn nguy hiểm cho người hoặc tổn thất nghiêm trọng tài nguyên, môi trường, đồng thời báo ngay với cơ quan nhà nước có

thẩm quyền quyết định xử lý hoặc kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đình chỉ các hoạt động đó;

4. Xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm pháp luật về khoáng sản.

Đoàn thanh tra, Thanh tra viên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các quyết định của mình.

Điều 61. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với hoạt động thanh tra chuyên ngành về khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tạo điều kiện cho Đoàn thanh tra và Thanh tra viên thi hành nhiệm vụ.

2. Tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra phải chấp hành quyết định của Đoàn thanh tra hoặc Thanh tra viên.

Điều 62. Quyền khiếu nại, tố cáo, khởi kiện

1. Tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện về quyết định hoặc biện pháp xử lý của Đoàn thanh tra hoặc Thanh tra viên.

2. Tổ chức, cá nhân có quyền tố cáo với các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước về những hành vi vi phạm pháp luật về khoáng sản của mọi tổ chức, cá nhân.

Cơ quan nhận được khiếu nại, tố cáo, khởi kiện có

trách nhiệm xem xét và giải quyết kịp thời theo quy định của pháp luật.

Chương IX

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 63. Khen thưởng

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc nghiên cứu phát hiện, bảo vệ tài nguyên khoáng sản thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 64. Xử lý vi phạm

1. Người nào làm lộ bí mật nhà nước về tài nguyên khoáng sản, hoạt động khoáng sản không có giấy phép, cản trở việc bảo vệ tài nguyên khoáng sản, cản trở hoạt động khoáng sản hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác, cản trở việc kiểm tra, thanh tra về khoáng sản hoặc vi phạm các quy định khác của Luật này thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính, xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn vi phạm các quy định về việc cấp giấy phép hoạt động khoáng sản hoặc các quy định khác của Luật này thì tùy theo

mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính, xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 65. Điều khoản thi hành

1. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép hoạt động khoáng sản trước ngày Luật này có hiệu lực mà giấy phép đó vẫn còn thời hạn và không thuộc các trường hợp cấm theo quy định của Luật này, được áp dụng theo quy định của giấy phép hoạt động khoáng sản đó, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân tự nguyện tuân theo các quy định của Luật này.

2. Luật này cũng được áp dụng đối với hoạt động khoáng sản tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác.

3. Những quy định trước đây trái với Luật này đều bãi bỏ.

4. Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật này.

Điều 66. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 1996.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá IX, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 20 tháng 3 năm 1996.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI
NÔNG ĐỨC MẠNH

LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KHOÁNG SẢN (Năm 2005)

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 10;

Luật này sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật khoáng sản được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 20 tháng 3 năm 1996.

Điều 1

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật khoáng sản như sau:

1. Điều 2 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Luật này quy định việc quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản, hoạt động điều tra cơ bản địa chất

về tài nguyên khoáng sản, hoạt động khoáng sản (bao gồm khảo sát, thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản) ở thể rắn, thể khí, nước khoáng và nước nóng thiên nhiên; riêng dầu khí và các loại nước thiên nhiên khác được điều chỉnh bằng các văn bản pháp luật khác.

2. Luật này áp dụng đối với cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về khoáng sản; tổ chức làm nhiệm vụ điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản; tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoạt động khoáng sản ở Việt Nam; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản.

Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Luật này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.”

2. Bổ sung Điều 3a như sau:

“Điều 3a. Nguyên tắc hoạt động khoáng sản

Hoạt động khảo sát, thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản phải tuân theo các nguyên tắc sau đây:

1. Tài nguyên khoáng sản phải được bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững kinh tế - xã hội trước mắt và lâu dài;

2. Việc thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng

khoáng sản phải theo quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động; kết hợp chặt chẽ với bảo vệ môi trường, tài nguyên khác, cảnh quan thiên nhiên và di tích lịch sử - văn hoá; tạo điều kiện phát triển cơ sở hạ tầng, ổn định, cải thiện đời sống nhân dân địa phương nơi có khoáng sản được khai thác, chế biến và bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội:

3. Quy mô và công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản phải phù hợp với đặc điểm từng loại khoáng sản, lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm tiêu chuẩn cơ bản để quyết định đầu tư; áp dụng công nghệ khai thác, chế biến tiên tiến phù hợp để nâng cao tối đa hệ số thu hồi khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm và giá trị của sản phẩm chế biến; nâng cao hiệu quả, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm khoáng sản.”

3. Bổ sung Điều 3b như sau:

“Điều 3b. Quy hoạch khoáng sản

1. Quy hoạch khoáng sản được lập theo vùng lãnh thổ và theo loại khoáng sản, bao gồm:

a) Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản;

b) Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản.

2. Thẩm quyền phê duyệt quy hoạch khoáng sản được quy định như sau:

a) Bộ Tài nguyên và Môi trường lập và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản và chỉ đạo tổ chức thực hiện;

b) Bộ Công nghiệp lập và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản, trừ khoáng sản làm vật liệu xây dựng, khoáng sản làm nguyên liệu sản xuất xi măng;

c) Bộ Xây dựng lập và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng, khoáng sản làm nguyên liệu sản xuất xi măng;

d) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức lập và trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng đối với các loại khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép quy định tại điểm b khoản 1 Điều 56 của Luật này.

3. Chính phủ quy định việc lập và thực hiện quy hoạch khoáng sản.”

4. Điều 5 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 5. Chính sách của Nhà nước về khoáng sản

1. Nhà nước đầu tư cho việc quy hoạch, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã

hội trong từng thời kỳ; đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học, ứng dụng và phát triển công nghệ trong công tác điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản.

2. Nhà nước tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản.

3. Nhà nước có chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư đối với dự án khai thác gắn liền với chế biến tại chỗ khoáng sản ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; dự án có áp dụng kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, bảo đảm môi trường, thu hồi tối đa các thành phần có ích, làm ra các sản phẩm kim loại, hợp kim hoặc các sản phẩm có giá trị và hiệu quả kinh tế - xã hội cao; dự án chế biến khoáng sản nhập khẩu đáp ứng nhu cầu sử dụng trong nước và xuất khẩu.

4. Hạn chế xuất khẩu khoáng sản dưới dạng nguyên liệu thô, tinh quặng. Việc ban hành danh mục, điều kiện và tiêu chuẩn khoáng sản xuất khẩu, khoáng sản hạn chế xuất khẩu do Chính phủ quy định.

5. Nhà nước có chính sách đầu tư thăm dò đối với một số loại khoáng sản quan trọng phục vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; bảo đảm ngân sách nhà nước cho công tác bảo vệ tài nguyên khoáng sản.

6. Nhà nước bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của

tổ chức, cá nhân trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật; khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia kinh doanh bảo hiểm cho hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản.”

5. Điều 8 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 8. Những hành vi bị nghiêm cấm

Nhà nước nghiêm cấm các hành vi sau đây:

1. Điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến, tàng trữ, vận chuyển và mua, bán khoáng sản trái pháp luật;

2. Vi phạm quy hoạch khoáng sản, vùng cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản;

3. Không thực hiện đúng các nghĩa vụ trong hoạt động khoáng sản theo quy định tại các điều 23, 27, 33, 46 và 52 của Luật này;

4. Làm lộ thông tin về tài nguyên khoáng sản thuộc bí mật nhà nước;

5. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để làm trái quy định của pháp luật về khoáng sản;

6. Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của pháp luật về khoáng sản.”

6. Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 9. Trách nhiệm bảo vệ tài nguyên khoáng sản

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường xác định khu vực

có tài nguyên khoáng sản đã được điều tra, đánh giá và thông báo cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để quản lý và bảo vệ.

2. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên khoáng sản ở địa phương, kể cả khu vực chưa được Bộ Tài nguyên và Môi trường thông báo nhưng phát hiện có khoáng sản.

3. Tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ bảo vệ tài nguyên khoáng sản, giữ gìn bí mật nhà nước về tài nguyên khoáng sản.

4. Tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản có trách nhiệm bảo vệ tài nguyên khoáng sản trong khu vực được hoạt động.

5. Tổ chức, cá nhân lập quy hoạch xây dựng khu dân cư tập trung, công trình cố định ở khu vực có tài nguyên khoáng sản đã được điều tra, đánh giá hoặc đã được thăm dò, phê duyệt trữ lượng khoáng sản phải trình kèm ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật này khi trình duyệt quy hoạch.

Chính phủ quy định việc lập và phê duyệt quy hoạch xây dựng công trình quốc phòng, an ninh ở những khu vực có tài nguyên khoáng sản đã được điều tra, đánh giá.”

7. Điều 41 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 41. Khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường

1. Hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường phải tuân theo các quy định về khai thác khoáng sản của Luật này.

2. Khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, trừ cát, sỏi lòng sông, với công suất khai thác không quá 100.000 m³/năm và thời gian khai thác, kể cả thời gian gia hạn không quá năm năm thì không bắt buộc phải tiến hành thăm dò khoáng sản.

3. Các trường hợp khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường sau đây không phải xin giấy phép khai thác:

a) Khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong phạm vi diện tích đất của dự án đầu tư công trình đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó.

Trước khi tiến hành khai thác khoáng sản, tổ chức được quyền khai thác phải đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác tại Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Việc quản lý, sử dụng khoáng sản khai

thác được thực hiện theo quy định của pháp luật:

b) Khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân được sử dụng theo quy định của pháp luật về đất đai mà sản phẩm khai thác chỉ nhằm phục vụ cho việc xây dựng của hộ gia đình, cá nhân đó.

4. Chính phủ ban hành danh mục khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.”

8. Bổ sung Điều 43a như sau:

“Điều 43a. Khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình

1. Việc khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình, trừ công trình quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định sau đây:

a) Đối với khu vực đã được điều tra, đánh giá về tài nguyên khoáng sản hoặc chưa được điều tra, đánh giá mà phát hiện có khoáng sản thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật này quyết định việc thăm dò làm cơ sở cho cấp giấy phép khai thác trước khi dự án được phê duyệt hoặc cấp giấy phép đầu tư;

b) Đối với khu vực chưa được điều tra đánh giá về tài nguyên khoáng sản mà trong quá trình xây dựng công trình phát hiện có khoáng sản thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 56 của

Luật này quyết định việc khai thác hoặc không khai thác; quyết định tiến độ trong trường hợp khai thác nhằm bảo đảm tiến độ xây dựng công trình. Trong trường hợp này, không bắt buộc phải tiến hành thăm dò khoáng sản.

2. Đối với khu vực có dự án đầu tư công trình quan trọng quốc gia thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội hoặc công trình quan trọng có chủ trương đầu tư của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, đã được điều tra, đánh giá về tài nguyên khoáng sản hoặc chưa được điều tra, đánh giá mà phát hiện có khoáng sản thì Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có công trình quyết định việc khai thác và cấp giấy phép khai thác theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật này để bảo đảm tiến độ xây dựng công trình.

3. Trong trường hợp xét thấy việc khai thác khoáng sản quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này không có hiệu quả hoặc không có tổ chức, cá nhân xin khai thác thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật này quyết định việc không khai thác và có văn bản trả lời cho cơ quan quyết định đầu tư, cơ quan cấp giấy phép đầu tư hoặc chủ đầu tư.

4. Khai thác khoáng sản quy định tại khoản 1 và

khoản 2 Điều này mà tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản không phải là chủ đầu tư công trình đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất thì việc sử dụng đất để khai thác khoáng sản do hai bên thoả thuận theo quy định của pháp luật về đất đai.”

9. Điều 49 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 49. Khai thác tận thu

1. Khai thác tận thu được thực hiện đối với khoáng sản còn lại ở mỏ đã có quyết định đóng cửa mỏ để thanh lý hoặc bãi thải trong khai thác, chế biến của mỏ đã có quyết định đóng cửa mỏ.

2. Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản hợp pháp được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện cho đến ngày giấy phép hết hạn.”

10. Điều 55 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 55. Trách nhiệm quản lý nhà nước về khoáng sản

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về khoáng sản.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về khoáng sản trong phạm vi cả nước.

3. Bộ Công nghiệp thực hiện quản lý nhà nước về công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản, trừ khoáng sản làm vật liệu xây dựng, khoáng sản làm

nguyên liệu sản xuất xi măng.

4. Bộ Xây dựng thực hiện quản lý nhà nước về công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, khoáng sản làm nguyên liệu sản xuất xi măng.

5. Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về khoáng sản tại địa phương theo thẩm quyền.

6. Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công nghiệp, Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong việc quản lý nhà nước về khoáng sản.

7. Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản có thẩm quyền và trách nhiệm giúp Chính phủ trong việc thẩm định, xét duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo thăm dò khoáng sản, trữ lượng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn.

8. Chính phủ quy định cụ thể thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước về khoáng sản của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công nghiệp, Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân các cấp; tổ chức và hoạt động của Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản.”

11. Điều 56 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 56. Thẩm quyền, thủ tục cấp, gia hạn, thu hồi giấy phép hoạt động khoáng sản

1. Thẩm quyền cấp, gia hạn, thu hồi, cho phép trả lại giấy phép hoạt động khoáng sản, cho phép chuyển nhượng quyền hoạt động khoáng sản được quy định như sau:

a) Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép khảo sát, giấy phép thăm dò, giấy phép khai thác, giấy phép chế biến khoáng sản, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản theo quy định tại Điều 49 và Điều 50 của Luật này; giấy phép khảo sát, giấy phép thăm dò, giấy phép khai thác, giấy phép chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn; giấy phép khai thác, giấy phép chế biến khoáng sản đối với khu vực đã được điều tra, đánh giá hoặc thăm dò, phê duyệt trữ lượng khoáng sản mà không nằm trong quy hoạch khai thác, chế biến khoáng sản của cả nước đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc không thuộc diện dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia;

c) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp loại giấy phép hoạt động khoáng sản nào thì có quyền gia hạn, thu hồi, cho phép trả lại loại giấy phép đó và cho phép chuyển nhượng quyền hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật.

2. Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục cấp, gia hạn, thu hồi, cho phép trả lại giấy phép hoạt động

khoáng sản, cho phép chuyển nhượng, để thừa kế quyền hoạt động khoáng sản, đăng ký hoạt động khoáng sản.”

Điều 2

1. Bãi bỏ Điều 48 của Luật khoáng sản.
2. Thay cụm từ “khoản 1 và 2 Điều 5” tại khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 25 và khoản 2 Điều 31 bằng cụm từ “khoản 3 Điều 5”.

Điều 3

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 10 năm 2005.
2. Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật này.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005.

**CHỦ TỊCH QUỐC HỘI
NGUYỄN VĂN AN**

3. LUẬT KHOÁNG SẢN*

(Đã được sửa đổi, bổ sung năm 2005)

Khoáng sản là tài nguyên hầu hết không tái tạo được, là tài sản quan trọng của quốc gia, phải được quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và có hiệu quả nhằm đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, phát triển bền vững kinh tế - xã hội trước mắt và lâu dài, bảo đảm quốc phòng, an ninh;

Để tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, bảo vệ, sử dụng có hiệu quả mọi tài nguyên khoáng sản của đất nước; khuyến khích phát triển công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản; bảo vệ môi trường, môi sinh và an

* Luật này đã được Quốc hội khoá IX, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 20 tháng 3 năm 1996 (có hiệu lực từ ngày 01-9-1996). Đã được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật khoáng sản do Quốc hội khoá XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005 (có hiệu lực từ ngày 01-10-2005) Những phần in *ngiêng* và đánh dấu hoa thị (*) là phần đã được sửa đổi, bổ sung (Nxb).

toàn lao động trong hoạt động khoáng sản;

Căn cứ vào các điều 17, 29 và 84 của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Luật này quy định về quản lý, bảo vệ, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản và hoạt động khoáng sản.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Sở hữu tài nguyên khoáng sản

Tài nguyên khoáng sản trong phạm vi đất liền, hải đảo, nội thuỷ, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đều thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước thống nhất quản lý.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Luật này quy định việc quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản, hoạt động điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, hoạt động khoáng sản (bao gồm khảo sát, thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản) ở thể rắn, thể khí, nước khoáng và nước nóng thiên nhiên; riêng dầu khí và các loại nước thiên nhiên khác được điều chỉnh bằng các văn bản pháp luật khác.

2. Luật này áp dụng đối với cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về khoáng sản; tổ chức làm nhiệm vụ điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản; tổ chức, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoạt động khoáng sản ở Việt Nam; tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản.

Trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của Luật này thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế đó.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Khoáng sản* là tài nguyên trong lòng đất, trên mặt đất dưới dạng những tích tụ tự nhiên khoáng vật, khoáng chất có ích ở thể rắn, thể lỏng, thể khí, hiện tại hoặc sau này có thể được khai thác. Khoáng vật, khoáng chất ở bãi thải của mỏ mà sau này có thể được khai thác lại, cũng là khoáng sản.

2. *Nước khoáng* là nước thiên nhiên dưới đất, có nơi lộ ra trên mặt đất, có chứa một số hợp chất có hoạt tính sinh học với nồng độ cao theo quy định của Tiêu chuẩn Việt Nam hoặc theo tiêu chuẩn nước ngoài được Nhà nước Việt Nam cho phép áp dụng.

3. *Nước nóng thiên nhiên* là nước thiên nhiên dưới đất, có nơi lộ ra trên mặt đất, luôn luôn có nhiệt độ theo quy định của Tiêu chuẩn Việt Nam hoặc theo tiêu chuẩn nước ngoài được Nhà nước Việt Nam cho phép áp dụng.

4. *Điều tra cơ bản địa chất* là hoạt động nghiên cứu, điều tra về cấu trúc, thành phần vật chất, lịch sử phát sinh, phát triển vỏ trái đất và các điều kiện, quy luật sinh khoáng liên quan.

5. *Điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản* là việc đánh giá tổng quan tiềm năng tài nguyên khoáng sản trên cơ sở điều tra cơ bản địa chất, làm căn cứ khoa học cho việc định hướng các hoạt động khảo sát, thăm dò khoáng sản.

6. *Khảo sát khoáng sản* là hoạt động nghiên cứu tư liệu địa chất về tài nguyên khoáng sản, khảo sát thực địa nhằm khoanh định khu vực có triển vọng để thăm dò khoáng sản.

7. *Thăm dò khoáng sản* là hoạt động nhằm tìm kiếm, phát hiện, xác định trữ lượng, chất lượng khoáng sản, điều kiện kỹ thuật khai thác, kể cả việc lấy, thử nghiệm mẫu công nghệ và nghiên cứu khả thi về khai thác khoáng sản.

8. *Khai thác khoáng sản* là hoạt động xây dựng cơ bản mỏ, khai đào, sản xuất và các hoạt động có liên quan trực tiếp nhằm thu khoáng sản.

9. *Chế biến khoáng sản* là hoạt động phân loại, làm giàu khoáng sản, hoạt động khác nhằm làm tăng giá trị khoáng sản đã khai thác.

Điều 3a*. Nguyên tắc hoạt động khoáng sản

Hoạt động khảo sát, thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản phải tuân theo các nguyên tắc sau đây:

1. *Tài nguyên khoáng sản phải được bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững kinh tế - xã hội trước mắt và lâu dài;*

2. *Việc thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản phải theo quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động; kết hợp chặt chẽ với bảo vệ môi trường, tài nguyên khác, cảnh quan thiên nhiên và di tích lịch sử - văn hoá; tạo điều kiện phát triển cơ sở hạ tầng, ổn định, cải thiện đời sống nhân dân địa phương nơi có khoáng sản được khai thác, chế biến và bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội;*

3. *Quy mô và công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản phải phù hợp với đặc điểm từng loại khoáng sản, lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm tiêu chuẩn cơ bản để quyết định đầu tư; áp dụng công nghệ khai thác, chế biến tiên tiến phù hợp để nâng cao tối đa hệ số thu hồi khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm và giá trị của sản phẩm chế biến; nâng cao hiệu quả, chất lượng và*

sức cạnh tranh của sản phẩm khoáng sản.

Điều 3b*. Quy hoạch khoáng sản

1. Quy hoạch khoáng sản được lập theo vùng lãnh thổ và theo loại khoáng sản, bao gồm:

a) Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản;

b) Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản.

2. Thẩm quyền phê duyệt quy hoạch khoáng sản được quy định như sau:

a) Bộ Tài nguyên và Môi trường lập và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản và chỉ đạo tổ chức thực hiện;

b) Bộ Công nghiệp lập và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản, trừ khoáng sản làm vật liệu xây dựng, khoáng sản làm nguyên liệu sản xuất xi măng;

c) Bộ Xây dựng lập và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng, khoáng sản làm nguyên liệu sản xuất xi măng;

d) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức lập và trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng đối với các loại khoáng sản thuộc thẩm

quyền cấp giấy phép quy định tại điểm b khoản 1 Điều 56 của Luật này.

3. Chính phủ quy định việc lập và thực hiện quy hoạch khoáng sản.

Điều 4. Quản lý, bảo vệ và sử dụng tài nguyên khoáng sản

Nhà nước có chính sách quản lý, bảo vệ, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và có hiệu quả tài nguyên khoáng sản, đồng thời bảo vệ môi trường, tài nguyên khác có liên quan, bảo đảm quốc phòng, an ninh, an toàn lao động và vệ sinh lao động trong hoạt động khoáng sản.

Chính phủ thống nhất quản lý mọi tài nguyên khoáng sản và hoạt động khoáng sản trong phạm vi cả nước, có trách nhiệm tổ chức thi hành pháp luật về khoáng sản.

Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện các biện pháp quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản; giám sát, kiểm tra việc thi hành pháp luật về khoáng sản tại địa phương.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện nghĩa vụ bảo vệ tài nguyên khoáng sản, giám sát việc thi hành pháp luật về khoáng sản.

Cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị -

xã hội, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi công dân có trách nhiệm thi hành pháp luật về khoáng sản, có quyền và trách nhiệm phát hiện, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về khoáng sản.

Điều 5*. Chính sách của Nhà nước về khoáng sản

1. Nhà nước đầu tư cho việc quy hoạch, điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ; đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học, ứng dụng và phát triển công nghệ trong công tác điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản.

2. Nhà nước tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản.

3. Nhà nước có chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư đối với dự án khai thác gắn liền với chế biến tại chỗ khoáng sản ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; dự án có áp dụng kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, bảo đảm môi trường, thu hồi tối đa các thành phần có ích, làm ra các sản phẩm kim loại, hợp kim hoặc các sản phẩm có giá trị và hiệu quả kinh tế - xã hội cao; dự án chế biến khoáng sản nhập khẩu đáp ứng nhu cầu sử dụng trong nước và xuất khẩu.

4. Hạn chế xuất khẩu khoáng sản dưới dạng nguyên liệu thô, tinh quặng. Việc ban hành danh mục, điều kiện và tiêu chuẩn khoáng sản xuất khẩu, khoáng sản hạn chế xuất khẩu do Chính phủ quy định.

5. Nhà nước có chính sách đầu tư thăm dò đối với một số loại khoáng sản quan trọng phục vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; bảo đảm ngân sách nhà nước cho công tác bảo vệ tài nguyên khoáng sản.

6. Nhà nước bảo hộ quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật; khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia kinh doanh bảo hiểm cho hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản.

Điều 6. Tổ chức, cá nhân được hoạt động khoáng sản

Tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật được phép hoạt động khoáng sản.

Chính phủ quy định các điều kiện về tài chính, công nghệ và các điều kiện khác của tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản.

Điều 7. Quyền lợi của nhân dân địa phương nơi có khoáng sản được khai thác, chế biến

Quyền lợi của nhân dân địa phương nơi có khoáng

sản được khai thác, chế biến được bảo hộ bằng các chính sách chủ yếu sau đây:

1. Căn cứ vào nguồn thu từ hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản, Nhà nước hàng năm dành một khoản từ ngân sách để phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương nơi có khoáng sản được khai thác, chế biến; tạo điều kiện ổn định sản xuất và đời sống cho bộ phận nhân dân nơi có khoáng sản được khai thác, chế biến phải thay đổi nơi cư trú, nơi sản xuất;

2. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác, chế biến khoáng sản có trách nhiệm kết hợp yêu cầu của hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản với việc xây dựng cơ sở hạ tầng, bảo vệ, phục hồi môi trường, môi sinh và đất đai tại địa phương theo báo cáo nghiên cứu khả thi đã được chấp thuận; ưu tiên thu hút lao động tại địa phương vào hoạt động khoáng sản và các dịch vụ liên quan.

Điều 8*. Những hành vi bị nghiêm cấm

Nhà nước nghiêm cấm các hành vi sau đây:

1. Điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, khảo sát, thăm dò, khai thác, chế biến, tàng trữ, vận chuyển và mua, bán khoáng sản trái pháp luật;

2. Vi phạm quy hoạch khoáng sản, vùng cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản;

3. Không thực hiện đúng các nghĩa vụ trong hoạt động khoáng sản theo quy định tại các điều 23, 27, 33.

46 và 52 của Luật này;

4. Làm lộ thông tin về tài nguyên khoáng sản thuộc bí mật nhà nước;

5. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để làm trái quy định của pháp luật về khoáng sản;

6. Các hành vi bị nghiêm cấm khác theo quy định của pháp luật về khoáng sản.

Chương II

BẢO VỆ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN, ĐIỀU TRA CƠ BẢN ĐỊA CHẤT VỀ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN

Điều 9*. Trách nhiệm bảo vệ tài nguyên khoáng sản

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường xác định khu vực có tài nguyên khoáng sản đã được điều tra, đánh giá và thông báo cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để quản lý và bảo vệ.

2. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên khoáng sản ở địa phương, kể cả khu vực chưa được Bộ Tài nguyên và Môi trường thông báo nhưng phát hiện có khoáng sản.

3. Tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ bảo vệ tài

nguyên khoáng sản, giữ gìn bí mật nhà nước về tài nguyên khoáng sản.

4. Tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản có trách nhiệm bảo vệ tài nguyên khoáng sản trong khu vực được hoạt động.

5. Tổ chức, cá nhân lập quy hoạch xây dựng khu dân cư tập trung, công trình cố định ở khu vực có tài nguyên khoáng sản đã được điều tra, đánh giá hoặc đã được thăm dò, phê duyệt trữ lượng khoáng sản phải trình kèm ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật này khi trình duyệt quy hoạch.

Chính phủ quy định việc lập và phê duyệt quy hoạch xây dựng công trình quốc phòng, an ninh ở những khu vực có tài nguyên khoáng sản đã được điều tra, đánh giá.

Điều 10. Bảo vệ tài nguyên khoáng sản trong hoạt động thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân được phép thăm dò khoáng sản phải đánh giá tổng hợp và báo cáo đầy đủ mọi loại tài nguyên khoáng sản đã phát hiện được trong khu vực được phép thăm dò cho cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản và bảo đảm không gây tổn thất tài nguyên khoáng sản.

2. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác, chế biến khoáng sản phải thu hồi tối đa mọi loại khoáng sản đã được xác định là có hiệu quả kinh tế; thực hiện các biện pháp bảo quản khoáng sản đã khai thác nhưng chưa được sử dụng.

3. Trong hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản, nếu phát hiện khoáng sản mới, tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản phải báo cáo ngay cho cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản để xem xét, quyết định.

Điều 11. Điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản

Nhà nước đầu tư và tổ chức thực hiện có hiệu quả việc điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản trên cơ sở điều tra cơ bản địa chất và áp dụng các thành tựu khoa học, công nghệ để hoạch định chiến lược, chính sách quốc gia về tài nguyên khoáng sản, phát triển công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản.

Nhà nước khuyến khích các tổ chức, cá nhân nước ngoài hợp tác với Việt Nam trong lĩnh vực điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản.

Chính phủ quy định việc quản lý các hoạt động điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản.

Điều 12. Mẫu vật, số liệu, thông tin về tài nguyên khoáng sản

1. Toàn bộ mẫu vật, số liệu, thông tin về tài

nguyên khoáng sản đều phải được lưu trữ, quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật.

2. Nhà nước độc quyền thu mua các mẫu vật có giá trị khoa học đặc biệt hoặc quý hiếm; nghiêm cấm hành vi cất giấu, phá hủy, làm giảm chất lượng hoặc mua bán trái phép các mẫu vật đó. Chính phủ quy định danh mục và quy cách các mẫu vật mà Nhà nước độc quyền thu mua.

3. Sau thời hạn do Chính phủ quy định kể từ ngày giấy phép hoạt động khoáng sản hết hạn, cơ quan nhà nước có thẩm quyền được cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác những thông tin về tài nguyên khoáng sản có liên quan đến giấy phép đó.

Chương III

KHU VỰC HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN

Điều 13. Khu vực hoạt động khoáng sản

1. Các khu vực hoạt động khoáng sản gồm có:

a) Khu vực hạn chế là khu vực hoạt động khoáng sản chỉ được tiến hành theo các điều kiện hạn chế do Chính phủ quy định;

b) Khu vực đấu thầu là khu vực hoạt động khoáng sản chỉ được tiến hành theo kết quả đấu thầu;

c) Khu vực thông thường là khu vực hoạt động khoáng sản không theo các quy định tại các điểm a và b khoản này.

2. Chính phủ quy định và công bố khu vực hạn chế, khu vực đấu thầu.

Điều 14. Khu vực cấm hoặc tạm thời cấm hoạt động khoáng sản

1. Không được hoạt động khoáng sản tại các khu vực cấm hoặc tạm thời cấm hoạt động khoáng sản vì lý do quốc phòng, an ninh, bảo vệ di tích lịch sử, văn hoá, cảnh quan hoặc vì lợi ích công cộng khác.

Chính phủ quy định và công bố khu vực cấm hoặc tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

2. Trong trường hợp hoạt động khoáng sản đang được phép tiến hành ở khu vực mà khu vực đó bị công bố là khu vực cấm hoặc tạm thời cấm hoạt động khoáng sản thì Chính phủ giải quyết thoả đáng những thiệt hại cho tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản do việc cấm hoặc tạm thời cấm gây ra.

Điều 15. Khu vực có khoáng sản độc hại

Cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản có trách nhiệm khoanh định khu vực có khoáng sản độc hại, thông báo cho chính quyền địa phương, các cơ quan lao động, y tế có thẩm quyền để có biện pháp bảo vệ sức khoẻ của nhân dân và hạn chế tác hại đối với môi trường, môi sinh ở địa phương.

Điều 16. Bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản phải sử dụng công nghệ, thiết bị, vật liệu và thực hiện các quy định khác của Luật bảo vệ môi trường để hạn chế tối đa tác động xấu đến các thành phần môi trường; thực hiện việc phục hồi môi trường, môi sinh và đất đai sau khi kết thúc từng giai đoạn hoặc toàn bộ hoạt động khoáng sản.

2. Tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản phải chịu mọi chi phí bảo vệ, phục hồi môi trường, môi sinh và đất đai. Chi phí bảo vệ, phục hồi môi trường, môi sinh và đất đai phải được xác định trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, báo cáo nghiên cứu khả thi về khai thác, chế biến khoáng sản hoặc đề án thăm dò khoáng sản. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản phải ký quỹ tại một Ngân hàng Việt Nam hoặc Ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam để bảo đảm cho việc phục hồi môi trường, môi sinh và đất đai.

Điều 17. Sử dụng đất trong hoạt động khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác, chế biến khoáng sản được ký hợp đồng thuê đất để hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về đất đai và

phù hợp với Luật này.

Khi giấy phép khai thác, chế biến khoáng sản chấm dứt hiệu lực thì hợp đồng thuê đất cũng chấm dứt; khi từng phần diện tích khai thác được trả lại thì hợp đồng thuê đất cũng được thay đổi tương ứng.

Khi có sự thay đổi tổ chức, cá nhân được phép khai thác, chế biến khoáng sản thì hợp đồng thuê đất được ký lại.

2. Tổ chức, cá nhân được phép khảo sát, thăm dò khoáng sản không phải thuê đất đối với khu vực được phép khảo sát, thăm dò, nếu hoạt động khảo sát, thăm dò không ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất hợp pháp, nhưng phải bồi thường thiệt hại do hoạt động khảo sát, thăm dò gây ra. Nếu hoạt động khảo sát, thăm dò có sử dụng đất thường xuyên thì tổ chức, cá nhân được phép khảo sát, thăm dò phải thuê đất đối với diện tích đó theo quy định của Chính phủ. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản trong lòng đất không phải thuê đất đối với những diện tích không sử dụng đất mặt; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường.

3. Tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản phải bồi thường thiệt hại do việc sử dụng đất để hoạt động khoáng sản gây ra.

Điều 18. Sử dụng nước trong hoạt động khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản được sử dụng các nguồn nước thiên nhiên để tiến hành hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về nước và phù hợp với Luật này.

2. Nguồn nước, khối lượng nước và phương thức sử dụng nước trong hoạt động khoáng sản phải được xác định trong đề án thăm dò, báo cáo nghiên cứu khả thi về khai thác, chế biến khoáng sản và thiết kế mỏ; nước đã qua sử dụng thì tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản phải xử lý theo tiêu chuẩn vệ sinh trước khi thải; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường.

Điều 19. Sử dụng cơ sở hạ tầng trong hoạt động khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản được sử dụng hệ thống giao thông, thông tin liên lạc, điện, nước và các cơ sở hạ tầng khác để phục vụ hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản có trách nhiệm đầu tư cải tạo, nâng cấp, tu bổ, xây dựng mới các cơ sở hạ tầng phù hợp với đề án thăm dò hoặc báo cáo nghiên cứu khả thi về khai thác, chế biến

khoáng sản đã được chấp thuận.

Điều 20. Bảo hiểm trong hoạt động khoáng sản

Tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản phải mua bảo hiểm đối với các phương tiện, công trình phục vụ hoạt động khoáng sản, bảo hiểm môi trường, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm lao động và các bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật.

Chương IV

KHẢO SÁT KHOÁNG SẢN

Điều 21. Giấy phép khảo sát khoáng sản

1. Giấy phép khảo sát khoáng sản được cấp đối với khu vực không có tổ chức, cá nhân nào đang thăm dò hoặc khai thác khoáng sản hợp pháp, phù hợp với quy định tại *khoản 3 Điều 5* và các Điều 13 và 14 của Luật này.

2. Thời hạn của một giấy phép khảo sát khoáng sản không quá mười hai tháng và được gia hạn theo quy định của Chính phủ, nhưng tổng thời gian gia hạn không quá mười hai tháng.

3. Giấy phép khảo sát khoáng sản không được chuyển cho tổ chức, cá nhân khác sử dụng.

Điều 22. Quyền của tổ chức, cá nhân được phép khảo sát khoáng sản

Tổ chức, cá nhân được phép khảo sát khoáng sản có các quyền sau đây:

1. Sử dụng số liệu, thông tin về tài nguyên khoáng sản của Nhà nước liên quan đến mục đích khảo sát và khu vực được phép khảo sát theo quy định của pháp luật;

2. Tiến hành khảo sát theo quy định của giấy phép;

3. Chuyển ra ngoài khu vực khảo sát, kể cả chuyển ra nước ngoài các loại mẫu vật với số lượng và chủng loại phù hợp với tính chất và yêu cầu của hoạt động khảo sát để phân tích, thử nghiệm theo quy định của Chính phủ;

4. Xin gia hạn, trả lại giấy phép khảo sát khoáng sản;

5. Khiếu nại hoặc khởi kiện về quyết định thu hồi giấy phép khảo sát khoáng sản hoặc quyết định xử lý khác của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật;

6. Được hưởng các quyền khác có liên quan theo quy định của Luật này.

Điều 23. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được phép khảo sát khoáng sản

Tổ chức, cá nhân được phép khảo sát khoáng sản có các nghĩa vụ sau đây:

1. Nộp lệ phí giấy phép và tiền sử dụng số liệu, thông tin về tài nguyên khoáng sản của Nhà nước theo quy định của pháp luật;

2. Bảo vệ môi trường, bảo đảm an toàn lao động và vệ sinh lao động trong hoạt động khảo sát khoáng sản;

3. Bồi thường thiệt hại do hoạt động khảo sát khoáng sản gây ra;

4. Trước ngày giấy phép khảo sát khoáng sản hết hạn, phải nộp báo cáo kết quả khảo sát cho cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản;

5. Thực hiện các quy định về quản lý hành chính, trật tự và an toàn xã hội;

6. Thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan theo quy định của Luật này.

Điều 24. Thu hồi giấy phép khảo sát khoáng sản

Giấy phép khảo sát khoáng sản bị thu hồi khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

1. Tổ chức, cá nhân được phép khảo sát khoáng sản vi phạm một trong các quy định tại Điều 23 của Luật này mà không khắc phục trong thời hạn do Chính phủ quy định kể từ ngày cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản đã có văn bản thông báo;

2. Khu vực được phép khảo sát bị công bố là khu vực cấm hoặc tạm thời cấm hoạt động khoáng sản theo quy định tại khoản 2 Điều 14 của Luật này;

3. Cá nhân được phép khảo sát khoáng sản chết, tổ

chức được phép khảo sát khoáng sản bị giải thể hoặc phá sản.

Chương V

THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Điều 25. Giấy phép thăm dò khoáng sản

1. Giấy phép thăm dò khoáng sản được cấp đối với khu vực không có tổ chức, cá nhân nào đang thăm dò hoặc khai thác khoáng sản hợp pháp, phù hợp với quy định tại *khoản 3 Điều 5* và các điều 13 và 14 của Luật này.

2. Diện tích khu vực thăm dò được cấp của một giấy phép do Chính phủ quy định.

3. Thời hạn của một giấy phép thăm dò khoáng sản không quá hai mươi bốn tháng và được gia hạn theo quy định của Chính phủ, nhưng tổng thời gian gia hạn không quá hai mươi bốn tháng. Trong trường hợp cần thiết, giấy phép thăm dò khoáng sản có thể được cấp lại cho tổ chức, cá nhân đã thăm dò ở khu vực mà giấy phép đã hết hạn.

4. Chính phủ quy định việc cấp giấy phép thăm dò khoáng sản cho tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư vào Việt Nam.

Điều 26. Quyền của tổ chức, cá nhân được phép thăm dò khoáng sản

Tổ chức, cá nhân được phép thăm dò khoáng sản có các quyền sau đây:

1. Sử dụng số liệu, thông tin về tài nguyên khoáng sản của Nhà nước liên quan đến mục đích thăm dò và khu vực được phép thăm dò theo quy định của pháp luật;

2. Tiến hành thăm dò theo quy định của giấy phép;

3. Chuyển ra ngoài khu vực thăm dò, kể cả chuyển ra nước ngoài các loại mẫu vật với khối lượng và chủng loại phù hợp với tính chất và yêu cầu của hoạt động thăm dò khoáng sản để phân tích, thử nghiệm theo quy định của Chính phủ;

4. Đặc quyền xin giấy phép khai thác khoáng sản trong phạm vi khu vực đã thăm dò theo quy định tại khoản 1 Điều 31 của Luật này;

5. Xin gia hạn, trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại từng phần diện tích thăm dò theo quy định của Chính phủ;

6. Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản cho tổ chức, cá nhân khác theo quy định của Chính phủ;

7. Để thừa kế quyền thăm dò theo quy định của pháp luật nếu là cá nhân được phép thăm dò;

8. Khiếu nại hoặc khởi kiện về quyết định thu hồi

giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc quyết định xử lý khác của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật:

9. Được hưởng các quyền khác có liên quan theo quy định của Luật này.

Điều 27. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được phép thăm dò khoáng sản

Tổ chức, cá nhân được phép thăm dò khoáng sản có các nghĩa vụ sau đây:

1. Nộp lệ phí giấy phép, lệ phí độc quyền thăm dò, tiền sử dụng số liệu, thông tin về tài nguyên khoáng sản của Nhà nước và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

2. Nộp tiền đặt cọc theo quy định của pháp luật;

3. Thực hiện đề án thăm dò khoáng sản đã được chấp thuận;

4. Bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo vệ môi trường, bảo đảm an toàn lao động và vệ sinh lao động trong hoạt động thăm dò;

5. Bồi thường thiệt hại do hoạt động thăm dò gây ra;

6. Thông báo kế hoạch thăm dò cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi được phép thăm dò khoáng sản trước khi thực hiện;

7. Thu thập, lưu giữ số liệu, thông tin về tài

nguyên khoáng sản và báo cáo kết quả thăm dò cho cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản; báo cáo các hoạt động khác cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

8. Nộp báo cáo cuối cùng về kết quả thăm dò cho cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản trước ngày giấy phép thăm dò hết hạn;

9. Thực hiện các công việc khi giấy phép thăm dò khoáng sản chấm dứt hiệu lực theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 30 của Luật này;

10. Thực hiện các quy định về quản lý hành chính, trật tự và an toàn xã hội;

11. Thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan theo quy định của Luật này.

Điều 28. Đề án thăm dò khoáng sản

Trong đề án thăm dò khoáng sản phải xác định tiến độ, khối lượng công việc, công nghệ, biện pháp bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường và dự toán chi phí thăm dò. Đề án thăm dò phải được cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản thẩm định để xem xét khi cấp giấy phép thăm dò.

Dự toán chi phí của đề án thăm dò khoáng sản không được thấp hơn mức chi phí tối thiểu do Chính phủ quy định. Trong trường hợp chi phí thực tế thấp hơn mức chi phí tối thiểu, thì tổ chức, cá nhân được

phép thăm dò khoáng sản phải nộp phần chênh lệch đó vào ngân sách nhà nước.

Khi cần thay đổi tiến độ, dự toán chi phí, tổ chức, cá nhân được phép thăm dò khoáng sản phải kịp thời báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản để xem xét, quyết định.

Điều 29. Thu hồi giấy phép thăm dò khoáng sản

Giấy phép thăm dò khoáng sản bị thu hồi khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

1. Sau sáu tháng kể từ ngày giấy phép có hiệu lực, tổ chức, cá nhân được phép thăm dò khoáng sản không tiến hành hoạt động thăm dò mà không có lý do chính đáng;

2. Tổ chức, cá nhân được phép thăm dò khoáng sản vi phạm một trong các quy định tại Điều 27 của Luật này mà không khắc phục trong thời hạn do Chính phủ quy định kể từ ngày cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản có văn bản thông báo;

3. Khu vực được phép thăm dò khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoặc tạm thời cấm hoạt động khoáng sản theo quy định tại khoản 2 Điều 14 của Luật này;

4. Cá nhân được phép thăm dò khoáng sản chết mà không có người thừa kế quyền thăm dò, tổ chức được phép thăm dò khoáng sản bị giải thể hoặc phá sản mà không có

tổ chức, cá nhân kế thừa quyền và nghĩa vụ.

Điều 30. Chấm dứt hiệu lực giấy phép thăm dò khoáng sản

1. Giấy phép thăm dò khoáng sản chấm dứt hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Giấy phép bị thu hồi;
- b) Giấy phép hết hạn;
- c) Giấy phép được trả lại.

2. Khi giấy phép thăm dò khoáng sản chấm dứt hiệu lực thì:

a) Các quyền liên quan đến giấy phép thăm dò cũng chấm dứt;

b) Trong thời hạn do Chính phủ quy định, tổ chức, cá nhân được phép thăm dò khoáng sản phải di chuyển toàn bộ tài sản của mình và của các bên liên quan ra khỏi khu vực thăm dò; san lấp các công trình thăm dò trở lại trạng thái bảo đảm an toàn, bảo vệ tài nguyên khoáng sản, phục hồi môi trường, môi sinh và đất đai; giao nộp các mẫu vật, số liệu, thông tin về tài nguyên khoáng sản đã thu thập được cho cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản.

Các quy định tại điểm b khoản 2 Điều này không áp dụng đối với khu vực mà tổ chức, cá nhân được phép thăm dò khoáng sản đã nộp đơn xin gia hạn giấy phép hoặc xin cấp giấy phép khai thác đúng quy định và đang được xem xét.

Chương VI

KHAI THÁC, CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN

Mục 1

KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Điều 31. Giấy phép khai thác khoáng sản

1. Giấy phép khai thác khoáng sản được cấp cho tổ chức, cá nhân được phép thăm dò khoáng sản đối với khu vực đã thăm dò, với điều kiện tổ chức, cá nhân đó đã hoàn thành mọi nghĩa vụ được quy định trong giấy phép thăm dò và tuân thủ mọi quy định của pháp luật.

Trong thời hạn sáu tháng kể từ ngày giấy phép thăm dò khoáng sản hết hạn mà tổ chức, cá nhân được phép thăm dò không nộp đơn xin giấy phép khai thác khoáng sản đối với khu vực đã thăm dò, thì giấy phép thăm dò mới hoặc giấy phép khai thác khoáng sản có thể được cấp đối với khu vực đó cho tổ chức, cá nhân khác.

2. Đối với khu vực đã thăm dò, nhưng không có tổ chức, cá nhân nào đang thăm dò hoặc khai thác khoáng sản hợp pháp thì giấy phép khai thác được cấp cho tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện theo quy định của Luật này, phù hợp với quy định tại *khoản 3 Điều 5* và các

điều 13 và 14 của Luật này.

3. Thời hạn của một giấy phép khai thác khoáng sản căn cứ vào báo cáo nghiên cứu khả thi về khai thác khoáng sản đối với từng dự án, nhưng không quá ba mươi năm và được gia hạn theo quy định của Chính phủ; tổng thời gian gia hạn không quá hai mươi năm.

4. Trường hợp tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc tổ chức liên doanh có bên nước ngoài xin cấp giấy phép khai thác khoáng sản thì giấy phép khai thác khoáng sản được cấp cùng với giấy phép đầu tư hoặc sau khi giấy phép đầu tư đã được cấp theo quy định của Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 32. Quyền của tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản

Tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản có các quyền sau đây:

1. Sử dụng số liệu, thông tin về tài nguyên khoáng sản của Nhà nước liên quan đến mục đích khai thác và khu vực được phép khai thác theo quy định của pháp luật;

2. Tiến hành khai thác, chế biến khoáng sản theo quy định của giấy phép; thăm dò trong khu vực đã được cấp giấy phép khai thác;

3. Cất giữ, vận chuyển, tiêu thụ trong nước và xuất khẩu khoáng sản đã được khai thác theo quy định của pháp luật;

4. Xin gia hạn, trả lại giấy phép khai thác hoặc trả

lại từng phần diện tích khai thác theo quy định của Chính phủ;

5. Chuyển nhượng quyền khai thác cho tổ chức, cá nhân khác theo quy định của Chính phủ;

6. Để thừa kế quyền khai thác theo quy định của pháp luật nếu là cá nhân được phép khai thác khoáng sản;

7. Khai thác khoáng sản đi kèm với khoáng sản chính với điều kiện thực hiện đầy đủ nghĩa vụ liên quan đến việc khai thác khoáng sản đi kèm đó theo quy định của Chính phủ;

8. Khiếu nại hoặc khởi kiện về quyết định thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản hoặc quyết định xử lý khác của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật;

9. Được hưởng các quyền khác có liên quan theo quy định của Luật này.

Điều 33. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản

Tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản có các nghĩa vụ sau đây:

1. Nộp lệ phí giấy phép, tiền sử dụng số liệu, thông tin về tài nguyên khoáng sản của Nhà nước, thuế tài nguyên khoáng sản và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

2. Bảo đảm tiến độ xây dựng cơ bản mỏ và hoạt động sản xuất phù hợp với báo cáo nghiên cứu khả thi

về khai thác khoáng sản và thiết kế mỏ đã được chấp thuận;

3. Tận thu khoáng sản, bảo vệ tài nguyên khoáng sản; bảo đảm an toàn lao động và vệ sinh lao động; thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường phù hợp với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được chấp thuận;

4. Thu thập, lưu giữ số liệu, thông tin về tài nguyên khoáng sản và báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản; báo cáo các hoạt động khác cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

5. Đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ và ngày bắt đầu hoạt động sản xuất với cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản; thông báo kế hoạch khai thác khoáng sản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có mỏ trước khi thực hiện;

6. Thực hiện các nghĩa vụ về việc bảo đảm quyền lợi của nhân dân địa phương nơi có khoáng sản được khai thác theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật này;

7. Bồi thường thiệt hại do hoạt động khai thác gây ra;

8. Tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động nghiên cứu khoa học được Nhà nước cho phép tiến hành trong khu vực khai thác; cho việc xây dựng các

công trình giao thông, đường dẫn nước, đường tải điện, đường thông tin đi qua mỏ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép trên cơ sở bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản;

9. Nộp báo cáo tổng hợp kết quả hoạt động khai thác khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản trước ngày giấy phép khai thác hết hạn; thực hiện việc đóng cửa mỏ, phục hồi môi trường, môi sinh và đất đai khi giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực theo quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều 40 của Luật này;

10. Thực hiện các quy định về quản lý hành chính, trật tự và an toàn xã hội;

11. Thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan theo quy định của Luật này.

Điều 34. Thuế tài nguyên khoáng sản

1. Thuế tài nguyên khoáng sản được tính trên sản lượng khoáng sản thương phẩm thực tế khai thác được và theo giá bán.

2. Khung thuế suất, thuế suất và chế độ thu nộp thuế tài nguyên khoáng sản do pháp luật về thuế quy định.

Điều 35. An toàn lao động và vệ sinh lao động trong hoạt động khai thác khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng

sản và mọi người làm việc tại mỏ đều phải thực hiện các quy định của pháp luật về an toàn lao động và vệ sinh lao động.

2. Nội quy lao động của mỏ phải được xây dựng và ban hành theo quy định của pháp luật về lao động. Các quy định về an toàn lao động và vệ sinh lao động phải phù hợp với các tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm về an toàn lao động và vệ sinh lao động do các cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

3. Khi có nguy cơ xảy ra sự cố về an toàn lao động, giám đốc điều hành mỏ phải thực hiện ngay các biện pháp cần thiết để loại trừ nguyên nhân có thể xảy ra sự cố.

4. Khi xảy ra sự cố về an toàn lao động, giám đốc điều hành mỏ phải thực hiện ngay các biện pháp khẩn cấp để loại trừ nguyên nhân gây ra sự cố; cấp cứu, sơ tán người ra khỏi vùng nguy hiểm; kịp thời báo cáo với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền; bảo vệ tài sản, bảo vệ hiện trường theo quy định của pháp luật.

Chính quyền địa phương, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi công dân có trách nhiệm hỗ trợ việc cấp cứu và khắc phục hậu quả của sự cố về an toàn lao động xảy ra trong khu vực khai thác.

5. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản phải thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất về an toàn lao động và vệ sinh lao động trong hoạt

động khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Giám đốc điều hành mỏ

1. Giám đốc điều hành mỏ do tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản cử ra để trực tiếp điều hành các hoạt động khai thác khoáng sản, chịu trách nhiệm về những nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật.

Giám đốc điều hành mỏ phải là người có trình độ và năng lực quản lý về khai thác mỏ.

2. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản phải thông báo bằng văn bản về trình độ chuyên môn, năng lực quản lý của giám đốc điều hành mỏ cho cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản.

Cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản có quyền không chấp nhận và yêu cầu tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản thay giám đốc điều hành mỏ khi xét thấy không đủ điều kiện đảm đương công việc.

3. Không được tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản nếu không có giám đốc điều hành mỏ.

Điều 37. Báo cáo nghiên cứu khả thi về khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ

1. Báo cáo nghiên cứu khả thi về khai thác khoáng sản và thiết kế mỏ phải được thẩm định, phê duyệt

theo quy định của Chính phủ.

2. Thiết kế mỏ phải phù hợp với báo cáo nghiên cứu khả thi về khai thác khoáng sản và báo cáo đánh giá tác động môi trường. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản phải nộp thiết kế mỏ cho cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản trước khi thi công.

3. Trong quá trình khai thác, nếu có những thay đổi khác với báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc thiết kế mỏ thì tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản phải kịp thời báo cáo với cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản để xem xét, quyết định.

Điều 38. Bản đồ hiện trạng mỏ

Tại mỏ phải có bản đồ hiện trạng mỏ. Định kỳ theo quy định của Chính phủ và khi có yêu cầu tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản phải nộp bản đồ hiện trạng mỏ kèm theo báo cáo về hoạt động khai thác khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản.

Tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản phải chịu trách nhiệm về mức độ chính xác, đầy đủ của bản đồ hiện trạng mỏ.

Điều 39. Thu hồi giấy phép khai thác khoáng sản

Giấy phép khai thác khoáng sản bị thu hồi khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

1. Sau mười hai tháng kể từ ngày giấy phép có hiệu lực, tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản chưa bắt đầu việc xây dựng cơ bản mỏ mà không có lý do chính đáng;

2. Sau mười hai tháng kể từ ngày dự kiến bắt đầu hoạt động sản xuất được xác định trong báo cáo nghiên cứu khả thi về khai thác khoáng sản đã được chấp thuận, tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản chưa bắt đầu hoạt động sản xuất mà không có lý do chính đáng;

3. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản vi phạm một trong các quy định tại Điều 33 của Luật này mà không khắc phục trong thời hạn do Chính phủ quy định kể từ ngày cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản đã có văn bản thông báo;

4. Khu vực được phép khai thác khoáng sản bị công bố là khu vực cấm hoặc tạm thời cấm hoạt động khoáng sản theo quy định tại khoản 2 Điều 14 của Luật này;

5. Cá nhân được phép khai thác khoáng sản chết mà không có người thừa kế quyền khai thác, tổ chức được phép khai thác bị giải thể hoặc phá sản mà không có tổ chức, cá nhân kế thừa quyền và nghĩa vụ;

6. Giấy phép đầu tư của tổ chức, cá nhân nước ngoài chấm dứt hiệu lực.

Điều 40. Chấm dứt hiệu lực giấy phép khai thác khoáng sản

1. Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a) Giấy phép bị thu hồi;
- b) Giấy phép hết hạn;
- c) Giấy phép được trả lại.

2. Khi giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực thì:

a) Các quyền liên quan đến giấy phép khai thác khoáng sản cũng chấm dứt;

b) Các công trình, thiết bị để bảo đảm an toàn mỏ và bảo vệ môi trường ở khu vực được xác định trong giấy phép khai thác khoáng sản đều thuộc sở hữu nhà nước, không được tháo dỡ, phá huỷ;

c) Ngoài những tài sản nói tại điểm b khoản này, trong thời hạn do Chính phủ quy định, tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản phải di chuyển toàn bộ tài sản của mình và của các bên có liên quan ra khỏi khu vực được xác định trong giấy phép khai thác khoáng sản; sau thời hạn nói trên, mọi tài sản còn lại đều thuộc sở hữu Nhà nước;

d) Trong thời hạn quy định tại điểm c khoản này, tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản phải thực hiện mọi nghĩa vụ có liên quan đến việc đóng cửa mỏ, phục hồi môi trường, môi sinh và đất đai theo quy

định của Luật này và các quy định khác của pháp luật.

Điều 41^{*}. Khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường

1. Hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường phải tuân theo các quy định về khai thác khoáng sản của Luật này.

2. Khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, trừ cát, sỏi lòng sông, với công suất khai thác không quá 100.000 m³/năm và thời gian khai thác, kể cả thời gian gia hạn không quá năm năm thì không bắt buộc phải tiến hành thăm dò khoáng sản.

3. Các trường hợp khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường sau đây không phải xin giấy phép khai thác:

a) Khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong phạm vi diện tích đất của dự án đầu tư công trình đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó.

Trước khi tiến hành khai thác khoáng sản, tổ chức được quyền khai thác phải đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác tại Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Việc quản lý, sử dụng khoáng sản khai thác được

thực hiện theo quy định của pháp luật;

b) Khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân được sử dụng theo quy định của pháp luật về đất đai mà sản phẩm khai thác chỉ nhằm phục vụ cho việc xây dựng của hộ gia đình, cá nhân đó.

4. Chính phủ ban hành danh mục khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường.

Điều 42. Khai thác nước khoáng, nước nóng thiên nhiên

1. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác nước khoáng, nước nóng thiên nhiên ngoài việc tuân theo các quy định khác của Luật này còn phải thực hiện các biện pháp bảo vệ nguồn nước không bị ô nhiễm; định kỳ quan trắc động thái, kiểm tra chất lượng của nguồn nước và kịp thời khắc phục các biến động xấu; không khai thác quá lưu lượng cho phép.

2. Việc khai thác nước khoáng, nước nóng thiên nhiên để sử dụng vào mục đích điều trị bệnh, điều dưỡng và giải khát phải được cơ quan y tế có thẩm quyền chấp thuận.

Điều 43. Khai thác khoáng sản quý, hiếm, đặc biệt và độc hại

Hoạt động khai thác khoáng sản quý, hiếm, đặc biệt và độc hại phải tuân theo các quy định của Luật

này và các quy định khác của pháp luật.

Chính phủ quy định danh mục các khoáng sản quý, hiếm, đặc biệt và độc hại.

Điều 43a*. Khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình

1. Việc khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình, trừ công trình quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định sau đây:

a) Đối với khu vực đã được điều tra, đánh giá về tài nguyên khoáng sản hoặc chưa được điều tra, đánh giá mà phát hiện có khoáng sản thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật này quyết định việc thăm dò làm cơ sở cho cấp giấy phép khai thác trước khi dự án được phê duyệt hoặc cấp giấy phép đầu tư;

b) Đối với khu vực chưa được điều tra đánh giá về tài nguyên khoáng sản mà trong quá trình xây dựng công trình phát hiện có khoáng sản thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật này quyết định việc khai thác hoặc không khai thác; quyết định tiến độ trong trường hợp khai thác nhằm bảo đảm tiến độ xây dựng công trình. Trong trường hợp này, không bắt buộc phải tiến hành thăm dò khoáng sản.

2. Đối với khu vực có dự án đầu tư công trình

quan trọng quốc gia thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội hoặc công trình quan trọng có chủ trương đầu tư của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, đã được điều tra, đánh giá về tài nguyên khoáng sản hoặc chưa được điều tra, đánh giá mà phát hiện có khoáng sản thì Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có công trình quyết định việc khai thác và cấp giấy phép khai thác theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật này để bảo đảm tiến độ xây dựng công trình.

3. Trong trường hợp xét thấy việc khai thác khoáng sản quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này không có hiệu quả hoặc không có tổ chức, cá nhân xin khai thác thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật này quyết định việc không khai thác và có văn bản trả lời cho cơ quan quyết định đầu tư, cơ quan cấp giấy phép đầu tư hoặc chủ đầu tư.

4. Khai thác khoáng sản quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này mà tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản không phải là chủ đầu tư công trình đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất thì việc sử dụng đất để khai thác khoáng sản do hai bên thoả thuận theo quy định của pháp luật về đất đai.

Mục 2

CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN

Điều 44. Giấy phép chế biến khoáng sản

Tổ chức, cá nhân hoạt động chế biến khoáng sản phải xin giấy phép chế biến khoáng sản, trừ trường hợp hoạt động chế biến khoáng sản kèm theo hoạt động khai thác đã được phép.

Việc cấp, thu hồi giấy phép chế biến khoáng sản do Chính phủ quy định.

Điều 45. Quyền của tổ chức, cá nhân được phép chế biến khoáng sản

Tổ chức, cá nhân được phép chế biến khoáng sản có các quyền sau đây:

1. Được mua khoáng sản đã khai thác hợp pháp; nhập khẩu thiết bị, công nghệ, vật liệu để phục vụ trực tiếp cho hoạt động chế biến; tiến hành chế biến khoáng sản theo quy định của giấy phép;

2. Cất giữ, vận chuyển, tiêu thụ trong nước và xuất khẩu khoáng sản đã được chế biến theo quy định của pháp luật;

3. Xin gia hạn, trả lại giấy phép, chuyển nhượng quyền chế biến khoáng sản cho tổ chức, cá nhân khác theo quy định của Chính phủ;

4. Đề thừa kế quyền chế biến khoáng sản theo quy

định của pháp luật nếu là cá nhân được phép chế biến khoáng sản;

5. Khiếu nại, khởi kiện về quyết định thu hồi giấy phép chế biến hoặc quyết định xử lý khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

6. Được hưởng các quyền khác có liên quan theo quy định của Luật này.

Điều 46. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được phép chế biến khoáng sản

Tổ chức, cá nhân được phép chế biến khoáng sản có các nghĩa vụ sau đây:

1. Nộp lệ phí giấy phép, thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

2. Thu hồi tối đa thành phần có ích của khoáng sản;

3. Áp dụng công nghệ và thực hiện các biện pháp hạn chế tối đa ảnh hưởng xấu đến môi trường, môi sinh theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

4. Bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động;

5. Bồi thường thiệt hại do hoạt động chế biến gây ra;

6. Báo cáo hoạt động chế biến khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản; báo cáo các hoạt

động khác cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật:

7. Thực hiện các quy định về quản lý hành chính, trật tự và an toàn xã hội;

8. Thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan theo quy định của Luật này.

Điều 47. Chế biến khoáng sản quý, hiếm, đặc biệt và độc hại

Hoạt động chế biến khoáng sản quý, hiếm, đặc biệt và độc hại phải tuân theo các quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật.

Điều 48*.

Mục 3

KHAI THÁC TẬN THU

Điều 49*. Khai thác tận thu

1. Khai thác tận thu được thực hiện đối với khoáng sản còn lại ở mỏ đã có quyết định đóng cửa mỏ để thanh lý hoặc bãi thải trong khai thác, chế biến của mỏ

* Điều này đã bị bãi bỏ theo Điều 2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật khoáng sản do Quốc hội khoá XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14-6-2005 (Nxb).

đã có quyết định đóng cửa mỏ.

2. Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản hợp pháp được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện cho đến ngày giấy phép hết hạn.

Điều 50. Giấy phép khai thác tận thu

Giấy phép khai thác tận thu chỉ được cấp cho tổ chức, cá nhân Việt Nam; ưu tiên cấp cho tổ chức, cá nhân thường trú tại địa phương nơi có khoáng sản; không cấp đối với khu vực đang có hoạt động thăm dò hoặc khai thác hợp pháp và khu vực cấm hoặc tạm thời cấm hoạt động khoáng sản theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này.

Thời hạn của một giấy phép khai thác tận thu không quá ba năm và được gia hạn theo quy định của Chính phủ, nhưng tổng thời gian gia hạn không quá hai năm.

Điều 51. Quyền của tổ chức, cá nhân được phép khai thác tận thu

Tổ chức, cá nhân được phép khai thác tận thu có các quyền sau đây:

1. Tiến hành khai thác theo quy định của giấy phép và các điều kiện cụ thể về khai thác tận thu do Chính phủ quy định;

2. Cất giữ, vận chuyển, chế biến, tiêu thụ khoáng sản đã được khai thác theo quy định của pháp luật;

3. Xin gia hạn, trả lại giấy phép khai thác tận thu;

4. Khiếu nại hoặc khởi kiện về quyết định thu hồi giấy phép khai thác tận thu hoặc quyết định xử lý khác của các cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 52. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được phép khai thác tận thu

Tổ chức, cá nhân được phép khai thác tận thu có các nghĩa vụ sau đây:

1. Nộp lệ phí giấy phép, thuế tài nguyên khoáng sản, nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
2. Bồi thường thiệt hại do hoạt động khai thác gây ra;
3. Hạn chế tổn thất tài nguyên khoáng sản và tài nguyên khác; bảo vệ môi trường, môi sinh và các công trình cơ sở hạ tầng;
4. Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn lao động, vệ sinh lao động trong hoạt động khai thác;
5. Thực hiện các quy định về quản lý hành chính, trật tự và an toàn xã hội;
6. Ghi chép, lưu giữ đầy đủ kết quả hoạt động khai thác, chế biến và tiêu thụ;
7. Tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động nghiên cứu khoa học được Nhà nước cho phép trong phạm vi khu vực khai thác.

Điều 53. Thu hồi giấy phép khai thác tận thu

1. Giấy phép khai thác tận thu bị thu hồi khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Tổ chức, cá nhân được phép khai thác tận thu không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 52 của Luật này;

b) Có phát hiện mới về tài nguyên khoáng sản mà khu vực đang được phép khai thác không còn phù hợp với hình thức và điều kiện của khai thác tận thu;

c) Khu vực được phép khai thác tận thu bị công bố là khu vực cấm hoặc tạm thời cấm hoạt động khoáng sản theo quy định tại khoản 2 Điều 14 của Luật này.

2. Khi giấy phép khai thác tận thu bị thu hồi hoặc đã hết hạn thì tổ chức, cá nhân được phép khai thác tận thu phải di chuyển toàn bộ tài sản của mình ra khỏi khu vực khai thác, phục hồi môi trường, môi sinh và đất đai.

3. Trong trường hợp giấy phép khai thác tận thu bị thu hồi theo quy định tại các điểm b và c khoản 1 Điều này, thì tổ chức, cá nhân được phép khai thác tận thu được giải quyết thỏa đáng những thiệt hại theo quy định của Chính phủ.

Chương VII

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHOÁNG SẢN

Điều 54. Nội dung quản lý nhà nước về khoáng sản

Nội dung quản lý nhà nước về khoáng sản bao gồm:

1. Hoạch định chiến lược, quy hoạch và chính sách về bảo vệ, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và có hiệu quả tài nguyên khoáng sản và phát triển công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản;

2. Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về khoáng sản;

3. Cấp, gia hạn, thu hồi giấy phép hoạt động khoáng sản; cho phép chuyển nhượng, để thừa kế quyền hoạt động khoáng sản, cho phép trả lại giấy phép hoạt động khoáng sản; đăng ký các hoạt động điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản và hoạt động khoáng sản;

4. Thẩm định, phê duyệt, đánh giá các đề án, báo cáo, thiết kế mỏ trong hoạt động khoáng sản;

5. Kiểm tra, thanh tra các hoạt động điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản, hoạt động khoáng sản;

6. Thực hiện các chính sách đối với nhân dân địa phương nơi có khoáng sản được khai thác, chế biến và nơi có khoáng sản độc hại;

7. Thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên khoáng sản;

8. Tổ chức lưu trữ, bảo vệ tài liệu và bí mật nhà nước về tài nguyên khoáng sản;

9. Đào tạo cán bộ khoa học, cán bộ quản lý về khoáng sản; tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn thi hành pháp luật về khoáng sản;

10. Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực điều tra cơ bản địa chất về tài nguyên khoáng sản và hoạt động khoáng sản;

11. Giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về hoạt động khoáng sản và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm pháp luật về khoáng sản.

Điều 55*. Trách nhiệm quản lý nhà nước về khoáng sản

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về khoáng sản.

2. Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về khoáng sản trong phạm vi cả nước.

3. Bộ Công nghiệp thực hiện quản lý nhà nước về công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản, trừ khoáng sản làm vật liệu xây dựng, khoáng sản làm nguyên liệu sản xuất xi măng.

4. Bộ Xây dựng thực hiện quản lý nhà nước về công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng, khoáng sản làm nguyên liệu sản xuất xi măng.

5. Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện quản lý nhà nước về khoáng sản tại địa phương theo thẩm quyền.

6. Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công nghiệp, Bộ Xây

dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong việc quản lý nhà nước về khoáng sản.

7. Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản có thẩm quyền và trách nhiệm giúp Chính phủ trong việc thẩm định, xét duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo thăm dò khoáng sản, trữ lượng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn.

8. Chính phủ quy định cụ thể thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước về khoáng sản của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công nghiệp, Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân các cấp; tổ chức và hoạt động của Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản.

Điều 56*. Thẩm quyền, thủ tục cấp, gia hạn, thu hồi giấy phép hoạt động khoáng sản

1. Thẩm quyền cấp, gia hạn, thu hồi, cho phép trả lại giấy phép hoạt động khoáng sản, cho phép chuyển nhượng quyền hoạt động khoáng sản được quy định như sau:

a) Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép khảo sát, giấy phép thăm dò, giấy phép khai thác, giấy phép chế biến khoáng sản, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản theo quy định tại Điều 49 và Điều 50 của Luật này; giấy phép khảo sát, giấy phép thăm dò, giấy phép khai

thác, giấy phép chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn; giấy phép khai thác, giấy phép chế biến khoáng sản đối với khu vực đã được điều tra, đánh giá hoặc thăm dò, phê duyệt trữ lượng khoáng sản mà không nằm trong quy hoạch khai thác, chế biến khoáng sản của cả nước đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc không thuộc diện dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia;

c) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp loại giấy phép hoạt động khoáng sản nào thì có quyền gia hạn, thu hồi, cho phép trả lại loại giấy phép đó và cho phép chuyển nhượng quyền hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật.

2. Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục cấp, gia hạn, thu hồi, cho phép trả lại giấy phép hoạt động khoáng sản, cho phép chuyển nhượng, để thừa kế quyền hoạt động khoáng sản, đăng ký hoạt động khoáng sản.

Điều 57. Giải quyết tranh chấp về hoạt động khoáng sản

Việc giải quyết tranh chấp về hoạt động khoáng sản được quy định như sau:

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp loại giấy phép hoạt động khoáng sản nào thì có trách nhiệm giải quyết tranh chấp về quyền hoạt động khoáng sản phát sinh từ việc sử dụng loại giấy phép đó; trong trường hợp không đồng ý với quyết định của cơ quan giải quyết

tranh chấp thì có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

2. Tranh chấp khác phát sinh trong hoạt động khoáng sản được giải quyết theo thẩm quyền và trình tự do pháp luật quy định.

Chương VIII

THANH TRA CHUYÊN NGÀNH VỀ KHOÁNG SẢN

Điều 58. Thanh tra chuyên ngành về khoáng sản

Cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành về khoáng sản. Tổ chức và hoạt động của thanh tra chuyên ngành về khoáng sản do Chính phủ quy định.

Điều 59. Nhiệm vụ của thanh tra chuyên ngành về khoáng sản

Thanh tra chuyên ngành về khoáng sản có các nhiệm vụ sau đây:

1. Kiểm tra, thanh tra việc chấp hành các quy định về:
 - a) Nội dung giấy phép hoạt động khoáng sản;
 - b) Giữ gìn bí mật nhà nước về tài nguyên khoáng sản;
 - c) Bảo vệ và sử dụng hợp lý tài nguyên khoáng sản;

d) Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản;

2. Phối hợp với thanh tra nhà nước về lao động và thanh tra chuyên ngành về bảo vệ môi trường để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, thanh tra về an toàn lao động, vệ sinh lao động và bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản;

3. Phối hợp với thanh tra nhà nước của các bộ, các ngành, địa phương trong hoạt động thanh tra về khoáng sản.

Điều 60. Thẩm quyền của thanh tra chuyên ngành về khoáng sản

Trong quá trình thanh tra, Đoàn thanh tra và Thanh tra viên có các quyền sau đây:

1. Yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp tài liệu và trả lời những vấn đề cần thiết;

2. Điều tra, thu thập chứng cứ, tài liệu liên quan đến nội dung, đối tượng thanh tra và tiến hành những biện pháp kiểm tra kỹ thuật tại hiện trường;

3. Quyết định đình chỉ hoạt động khoáng sản không có giấy phép; tạm đình chỉ trong trường hợp khẩn cấp các hoạt động có nguy cơ gây ra tai nạn nguy hiểm cho người hoặc tổn thất nghiêm trọng tài nguyên, môi trường, đồng thời báo ngay với cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định xử lý hoặc kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đình chỉ các hoạt động đó;

4. Xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xử lý các vi phạm pháp luật về khoáng sản.

Đoàn thanh tra. Thanh tra viên phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các quyết định của mình.

Điều 61. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với hoạt động thanh tra chuyên ngành về khoáng sản

1. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tạo điều kiện cho Đoàn thanh tra và Thanh tra viên thi hành nhiệm vụ.

2. Tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra phải chấp hành quyết định của Đoàn thanh tra hoặc Thanh tra viên.

Điều 62. Quyền khiếu nại, tố cáo, khởi kiện

1. Tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện về quyết định hoặc biện pháp xử lý của Đoàn thanh tra hoặc Thanh tra viên.

2. Tổ chức, cá nhân có quyền tố cáo với các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước về những hành vi vi phạm pháp luật về khoáng sản của mọi tổ chức, cá nhân.

Cơ quan nhận được khiếu nại, tố cáo, khởi kiện có trách nhiệm xem xét và giải quyết kịp thời theo quy định của pháp luật.

Chương IX

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 63. Khen thưởng

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc nghiên cứu phát hiện, bảo vệ tài nguyên khoáng sản thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 64. Xử lý vi phạm

1. Người nào làm lộ bí mật nhà nước về tài nguyên khoáng sản, hoạt động khoáng sản không có giấy phép, cản trở việc bảo vệ tài nguyên khoáng sản, cản trở hoạt động khoáng sản hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác, cản trở việc kiểm tra, thanh tra về khoáng sản hoặc vi phạm các quy định khác của Luật này thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính, xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn vi phạm các quy định về việc cấp giấy phép hoạt động khoáng sản hoặc các quy định khác của Luật này thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính, xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương X

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 65. Điều khoản thi hành

1. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép hoạt động khoáng sản trước ngày Luật này có hiệu lực mà giấy phép đó vẫn còn thời hạn và không thuộc các trường hợp cấm theo quy định của Luật này, được áp dụng theo quy định của giấy phép hoạt động khoáng sản đó, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân tự nguyện tuân theo các quy định của Luật này.

2. Luật này cũng được áp dụng đối với hoạt động khoáng sản tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác.

3. Những quy định trước đây trái với Luật này đều bãi bỏ.

4. Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật này.

Điều 66. Hiệu lực thi hành

Luật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 1996*.

* Phần sửa đổi, bổ sung có hiệu lực thi hành từ ngày 01-10-2005 (Nxb).

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>* Chú dẫn của Nhà xuất bản</i>	5
1. Luật khoáng sản năm 1996	7
2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật khoáng sản năm 2005	57
3. Luật khoáng sản (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2005)	71

Chịu trách nhiệm xuất bản:

TRỊNH THỨC HUỠNH

Chịu trách nhiệm nội dung:

PHẠM VIỆT

Biên tập:

PHẠM VIỆT

NGUYỄN THỊ THÀNH

Trình bày bìa:

PHẠM THUYẾT

Chế bản vi tính:

NGUYỄN THUYẾT

Sửa bản in:

NGUYỄN THỊ THÀNH

Đọc sách mẫu:

NGUYỄN THỊ THÀNH

In 1.500 cuốn, khổ 13x19 cm, tại Nxb. Chính trị quốc gia.

Giấy phép xuất bản số: 16-1021/CXB-QLXB, cấp ngày 26-7-2005

In xong và nộp lưu chiểu tháng 1 năm 2006.

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

24 Quang Trung - Hà Nội

ĐT : 9422008 FAX : 84 - 4 - 9421881

E-mail: nxbctqg@hn.vnn.vn

Website: www.nxbctqg.org.vn

TÌM ĐỌC

- LUẬT THƯƠNG MẠI
- BỘ LUẬT DÂN SỰ NĂM 2005
- LUẬT THUẾ XUẤT KHẨU,
THUẾ NHẬP KHẨU
- LUẬT ĐƯỜNG SẮT

Luật Khoáng sản (sửa đổi, bổ sung 2005)



10.000 VND

Luật Khoáng sản (sửa đổi, bổ sung 2005)



Giá: 10.000đ